

*Lawaco chất lượng nước vì cuộc sống*



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020**



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG**

50 đường Hùng Vương, phường 9, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Điện thoại: (026) 3382 2240 - 2457

Website: [www.lawaco.com](http://www.lawaco.com)

MỤC LỤC

1

**CHƯƠNG 1**  
THÔNG TIN CHUNG

2

**CHƯƠNG 2**  
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG  
TRONG NĂM 2020

3

**CHƯƠNG 3**  
BÁO CÁO CỦA  
BAN GIÁM ĐỐC

4

**CHƯƠNG 4**  
ĐÁNH GIÁ CỦA  
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

5

**CHƯƠNG 5**  
QUẢN TRỊ CÔNG TY

6

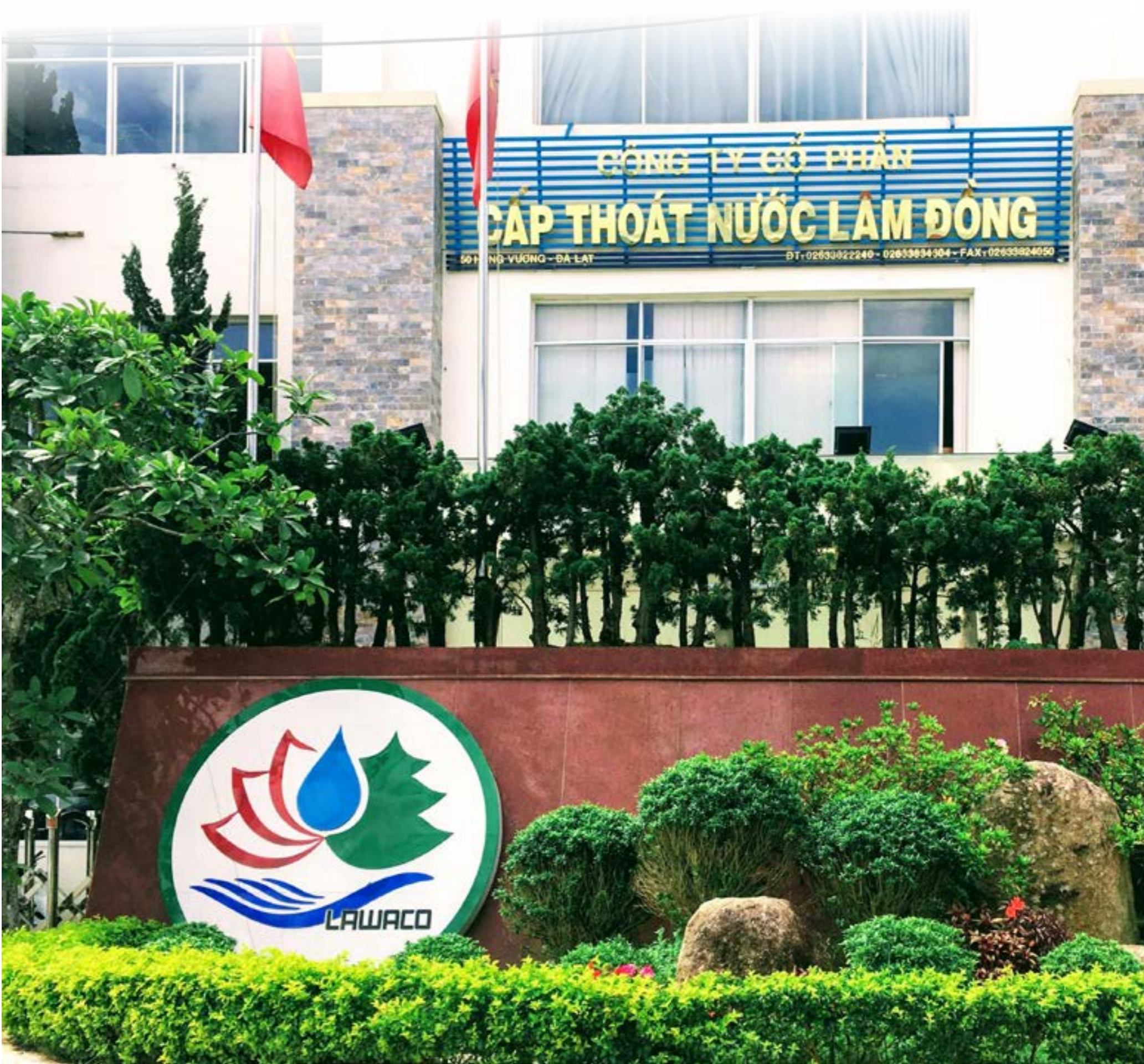
**CHƯƠNG 6**  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
KIỂM TOÁN NĂM 2020



## THÔNG TIN CHUNG **01**

---

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Các giải thưởng tiêu biểu
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Sơ đồ tổ chức
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro



## THÔNG TIN KHÁI QUÁT

<b>Tên Công ty</b>	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng
<b>Tên viết tắt</b>	LAWACO
<b>Tên Tiếng Anh</b>	Lam Dong Water Supply And Sewerage Joint Stock Company
<b>Mã cổ phiếu</b>	LDW
<b>Vốn điều lệ</b>	788.000.000.000 đồng
<b>Trụ sở chính</b>	Số 50 đường Hùng Vương, phường 9, Tp. Đà Lạt, Lâm Đồng
<b>Điện thoại</b>	(84.26) 3382 2240 - (84.26) 3382 2457
<b>Fax</b>	(84.26) 3382 4050
<b>Email</b>	lawaco@lawaco.com
<b>Website</b>	www.lawaco.com
<b>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</b>	Số 5800000174 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp lần đầu ngày 11/11/2005, thay đổi lần thứ 10 ngày 17/09/2020.

## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

**1918 - 1938**

Chính quyền Pháp cho xây dựng Nhà máy nước số 1 (Nhà máy Hồ Than Thở). Nhà máy Hồ Than Thở được sửa chữa lần 1 vào năm 1927 và nâng cấp vào năm 1938 với công suất 2.700m<sup>3</sup>/ngày đêm.

**1949**

Xây dựng Nhà máy nước số 2 (Nhà máy Hồ Xuân Hương). Công suất 2.700m<sup>3</sup>/ngày đêm.

**1970**

Sản xuất nước tại TP. Đà Lạt với tên gọi là Công quản nước Đà Lạt. Sản lượng nước sản xuất bình quân 5.400 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

**1971**

Đổi tên thành Công ty Cấp thủy Đà Lạt, sau đổi lại thành Trung tâm Cấp thủy Đà Lạt. Thành lập Trung tâm Cấp thủy Bảo Lộc và Trung tâm Cấp thủy Di Linh.

**1975**

Trung tâm Cấp thủy Đà Lạt được Ban Quân quản TP. Đà Lạt tiếp quản, điều hành.

**1976**

Các trung tâm Cấp thủy được đổi tên thành Nhà máy nước Đà Lạt, Nhà máy nước Bảo Lộc và Nhà máy nước Di Linh trực thuộc Công ty Xây dựng Cấp thoát nước số 2.

**1978**

Xây dựng trạm bơm Hồ Chiến Thắng để bổ sung nguồn nước cho Nhà máy xử lý nước Hồ Xuân Hương.

**1979**

Bàn giao lại Công ty Xây dựng Cấp thoát nước số 2 cho Công ty Quản lý công trình công cộng tỉnh quản lý.

**1979 - 1981**

Phát triển thêm một số đường ống cấp nước như: tuyến D200 fibrocement dài 3km, đường ống D300 gang nối tiếp từ D200 fibrocement dài 4km, ống gang D150 dài 10km

**1982**

Nhà máy trực thuộc Công ty Xây dựng Lâm Đồng.

**1984**

Ngày 08/05/1984 UBND tỉnh Lâm Đồng ký ban hành Quyết định số 313/QĐ/UB về thành lập và quy định chức năng nhiệm vụ của Nhà máy Cấp nước Đà Lạt và bổ nhiệm chính thức Ban Giám đốc nhà máy. UBND tỉnh giao Nhà máy Cấp nước Đà Lạt quản lý, vận hành Nhà máy xử lý nước Đan Kia Suối Vàng

## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN (TIẾP THEO)

1985

Nhà máy xử lý nước Đan Kia Suối Vàng chính thức hoạt động, cung cấp nước cho 4.000 hộ khách hàng với công suất 8.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

1991

UBND tỉnh Lâm Đồng ký ban hành Quyết định số 131/QĐ-UB về việc thành lập Công ty Cấp thoát nước Lâm Đồng. Công ty tiếp nhận các đơn vị khác trong tỉnh là Nhà máy nước Bảo Lộc, Nhà máy nước Di Linh, Nhà máy nước Đức Trọng.

1998

Với sự tài trợ của Chính phủ Đan Mạch, Thành phố Đà Lạt đã triển khai dự án cải tạo hệ thống cấp nước: thay toàn bộ bơm nước sạch của trạm bơm cấp II nhà máy xử lý nước Đan Kia Suối Vàng, nâng cấp Nhà máy nước Hồ Xuân Hương đạt công suất 6.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, thay mới và mở rộng mạng lưới chuyển tải đến các bể chứa.

2000

Xây dựng hoàn thành Nhà máy nước Lâm Hà, công suất 1.400 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

2002 - 2004

Năm 2002, Công ty xây dựng Vườn sinh thái Thung Lũng Vàng và đi vào hoạt động từ năm 2004.

2005

UBND tỉnh Lâm Đồng ký ban hành Quyết định số 2873/QĐ-UBND chuyển Doanh nghiệp nhà nước Công ty Cấp thoát nước Lâm Đồng thành Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng.

2008

- Nhà máy nước Di Linh cổ phần hóa thành Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Di Linh và là công ty con của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng
- Nhà máy nước Bảo Lộc cổ phần hóa thành Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc và là công ty con của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng.
- Nhà máy nước Đà Lạt thành lập, hoạt động sản xuất kinh doanh và phát triển khách hàng trên địa bàn TP. Đà Lạt và huyện Lạc Dương.

2009

Nhà máy nước Đà Lạt được tách thành 2 đơn vị là Nhà máy nước Đà Lạt (sản xuất nước) và Phòng Kinh doanh (sau đổi tên thành XN Cấp nước Đà Lạt) - kinh doanh nước máy, quản lý và phát triển khách hàng trên địa bàn TP. Đà Lạt và huyện Lạc Dương.

## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN (TIẾP THEO)

**2010**

- Xí nghiệp Tư vấn thiết kế cổ phần hóa thành Công ty cổ phần Tư vấn thiết kế Cấp thoát nước và là công ty liên kết của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng.
- Nhà máy nước Đức Trọng cổ phần hóa thành Công ty Cấp thoát nước và Xây dựng Đức Trọng và là công ty liên kết của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng.

**2011**

Vườn sinh thái Thung Lũng Vàng chuyển thành Công ty cổ phần dịch vụ Du lịch Thung Lũng Vàng Đà Lạt và là công ty liên kết của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng.

**2012**

- Thành lập đội quản lý lòng hồ Đan Kia.
- Thành lập Nhà máy nước Đạ Huoai, có chức năng quản lý và khai thác hệ thống cấp nước sinh hoạt thị trấn Đam'Ri.
- Thành lập Nhà máy nước Đam Rông, có chức năng quản lý và khai thác hệ thống cấp nước sinh hoạt thị trấn Bằng Lãng.
- Bàn giao Nhà máy xử lý nước Nam Ban cho Nhà máy nước Lâm Hà quản lý và khai thác.

**2016**

- Thoái vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Dịch vụ du lịch Thung Lũng Vàng Đà Lạt, Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Cấp thoát nước Lâm Đồng.
- Chuyển giao phần vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và xây dựng Bảo Lộc về cho Thành phố Bảo Lộc.

**2017**

UBND tỉnh Lâm Đồng ký ban hành Quyết định số 774/QĐ-UBND thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng.

**2018**

Chính thức trở thành Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng với vốn điều lệ 788 tỷ đồng

**2019**

UBND tỉnh Lâm Đồng chuyển giao quyền đại diện sở hữu Nhà nước tại Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng cho Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước.

## NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH



Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5800000174 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp lần đầu ngày 11/11/2015, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 17/09/2020.



Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất, cung cấp nước sạch cho thành phố Đà Lạt và các đô thị trung tâm các huyện trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (ngoại trừ thành phố Bảo Lộc, huyện Di Linh và thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng). Bên cạnh đó, công ty là đơn vị duy nhất cung cấp dịch vụ xử lý và thoát nước thải trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

### Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

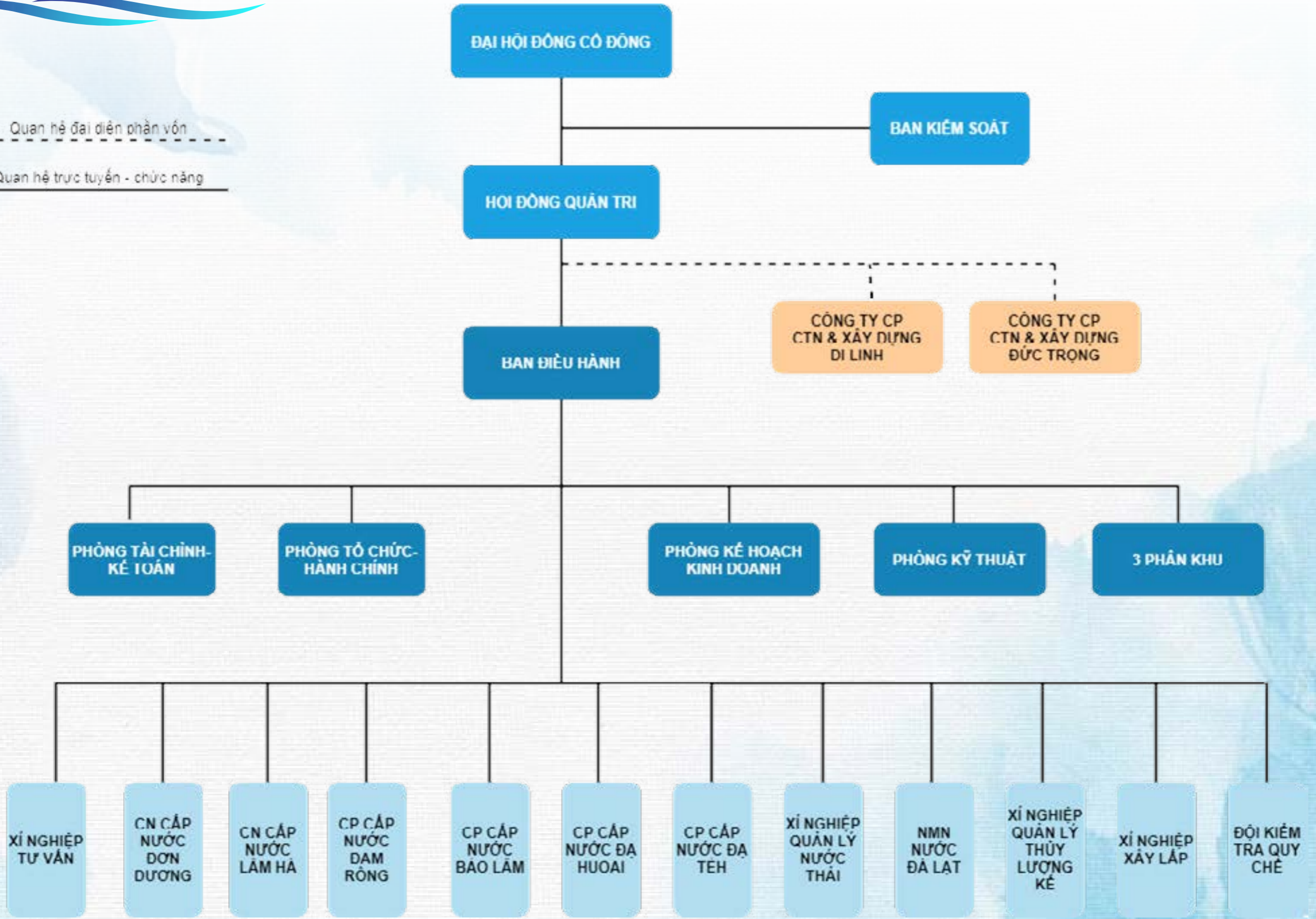
- Sản xuất và cung cấp nước sinh hoạt phục vụ đô thị và công nghiệp;
- Tư vấn thiết kế công trình xây dựng dân dụng, công trình cấp thoát nước, giám sát thi công công trình xây dựng. Giám sát công trình dân dụng, công nghiệp, cấp thoát nước, thủy lợi. Lập dự án đầu tư xây dựng công trình, thẩm tra dự án đầu tư, đánh giá tác động môi trường. Thiết kế dự toán xây dựng công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, cấp thoát nước, thủy lợi;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Thi công xây dựng công trình: Cấp thoát nước, công nghiệp, dân dụng, thủy lợi, khu du lịch, khu nghỉ dưỡng, vườn sinh thái; Sản xuất và kinh doanh dịch vụ, vật tư ngành nước; Hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch tham quan, nghỉ dưỡng; Quy hoạch xây dựng hệ thống cấp thoát nước; Tư vấn lập quy hoạch, xây dựng hệ thống cấp thoát nước, tư vấn lập hồ sơ mời thầu, xét thầu, tư vấn quản lý dự án; Khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn, môi trường.





# SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

--- Quan hệ đại diện phần vốn ---  
 \_\_\_\_\_ Quan hệ trực tuyến - chức năng \_\_\_\_\_



## SƠ ĐỒ TỔ CHỨC (TIẾP THEO)

**Công ty con:** Không có

### Các đơn vị thành viên

Các đơn vị thành viên	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Nhà máy nước Đà Lạt	TP. Đà Lạt	Sản xuất, kinh doanh nước sạch
Nhà máy nước Lâm Hà	TT. Đinh Văn, H. Lâm Hà	Sản xuất, kinh doanh nước sạch
Nhà máy nước Bảo Lâm	TT. Lộc Thắng, H. Bảo Lâm	Sản xuất, kinh doanh nước sạch
Nhà máy nước Đạ Tẻh	Khu phố 6A, H. Đạ Tẻh	Sản xuất, kinh doanh nước sạch
Nhà máy nước Đơn Dương	TT. Thạch Mỹ, H. Đơn Dương	Sản xuất, kinh doanh nước sạch
Nhà máy nước Đam Rông	TT. Bằng Lăng, H. Đam Rông	Sản xuất, kinh doanh nước sạch
Nhà máy nước Đạ Huoai	TT. Madaguoil, H. Đạ Huoai	Sản xuất, kinh doanh nước sạch
Xí nghiệp Quản lý Nước thải	TP. Đà Lạt	Quản lý hệ thống thoát nước và xử lý nước thải

### Công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ nắm giữ
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Đức Trọng	Số 81 đường Nguyễn Công Trứ, thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng, Lâm Đồng	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	32,10%
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Di Linh	Số 524 đường Hùng Vương, thị trấn Di Linh, huyện Di Linh, Lâm Đồng	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	40,00%

## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

- Theo Quyết định số 1848/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Lâm Đồng đến năm 2035 và tầm nhìn đến năm 2050 nhằm nâng cao số lượng và chất lượng nước phục vụ cho nhu cầu dùng nước ước tính toàn tỉnh đến năm 2025 khoảng 250.700 m<sup>3</sup>/ngày đêm, đến năm 2035 khoảng 347.600 m<sup>3</sup>/ngày đêm và đến năm 2050 khoảng m<sup>3</sup>/ngày đêm. Công ty chủ trương thực hiện triển khai mở rộng hệ thống cấp nước đồng thời áp dụng công nghệ mới, dần thay thế mạng lưới cấp nước giảm thất thoát nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng của các trạm cấp nước hiện có. Xây dựng hệ thống cấp nước hoàn chỉnh cho các đô thị trung tâm vùng, trung tâm các tiểu vùng và các đô thị loại IV trở lên; đảm bảo 100% dân số sử dụng nước sạch đạt tiêu chuẩn vệ sinh.
- Với mục tiêu phát triển tỉnh Lâm Đồng trở thành vùng kinh tế động lực của khu vực Tây Nguyên và với tốc độ đô thị hóa hiện nay của tỉnh đạt khoảng 55%, do đó mục tiêu chủ yếu của công ty là duy trì hoạt động kinh doanh ổn định, đẩy mạnh hoạt động marketing và chú trọng công tác phát triển quan hệ khách hàng, tiếp tục phát huy, khẳng định thương hiệu của công ty.
- Đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định và đạt hiệu quả cao: Sản lượng nước thương phẩm giai đoạn 2016 - 2021 tăng 5%/năm; nâng tổng công suất từ 48.600 m<sup>3</sup>/ngày đêm lên 72.600 m<sup>3</sup>/ngày đêm, thi công 77 km đường ống từ DN50 - DN800. Công ty nỗ lực giảm tỷ lệ thất thoát, thất thu nước hàng năm là 1% và năng suất lao động tăng tối thiểu 5%/năm. Ngoài ra, công ty sẽ mở rộng ngành nghề hoạt động, đặc biệt là lĩnh vực công ty có lợi thế như dịch vụ lắp đặt hệ thống cấp nước sau thủy lượng kế, kinh doanh vật tư ngành nước nhằm nâng cao doanh thu, lợi nhuận cho công ty, tận dụng những cơ hội hiện có để mở rộng thị phần và tạo thêm việc làm cho cư dân bản địa và người lao động nhập cư nhằm góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế.
- Công ty thực hiện công tác lên kế hoạch đầu tư các dự án theo từng giai đoạn và sử dụng nguồn vốn hợp lý, đảm bảo cung cấp nước đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trên địa bàn tỉnh và nhu cầu phát triển theo đề án quy hoạch phát triển tỉnh Lâm Đồng và đảm bảo kế hoạch trả nợ các dự án ODA.



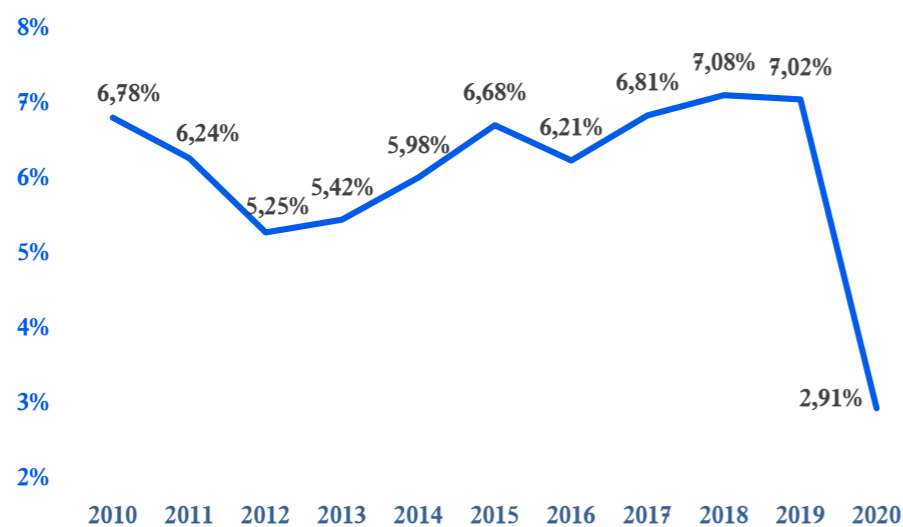
## CÁC RỦI RO

### Rủi ro kinh tế

#### Tăng trưởng kinh tế

Trong năm 2020, nền kinh tế thế giới cũng như Việt Nam đã trải qua một năm đầy khó khăn và thử thách khi dịch bệnh Covid-19 bùng nổ và diễn biến theo chiều hướng phức tạp, làm đình trệ hoạt động sản xuất, gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu. Tuy vậy, nhờ những biện pháp phòng chống kịp thời của Chính phủ, nền kinh tế Việt Nam dần hồi phục và được xem là điểm sáng trong bức tranh ảm đạm của kinh tế thế giới, đạt mức tăng trưởng dương khi GDP năm 2020 tăng 2,91%. Mặc dù tốc độ tăng trưởng GDP năm 2020 là mức thấp nhất trong giai đoạn 2010 - 2020 nhưng đây được xem là một thành quả lớn lao của nước ta khi là một trong số các quốc gia thuộc nhóm nước có tăng trưởng GDP năm 2020 cao nhất thế giới. Tuy nhiên, với những thành công đạt được trong công tác phòng chống dịch bệnh và phát triển kinh tế, Ban lãnh đạo công ty không chủ quan và luôn theo dõi sát sao tình hình kinh tế do tình hình dịch bệnh chưa ổn định và chưa có dấu hiệu chấm dứt nhằm lập kế hoạch, đưa ra chiến lược kinh doanh phù hợp.

#### Tăng trưởng GDP giai đoạn 2010 - 2020



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng hoạt động trong lĩnh vực thiết yếu của xã hội nên ít bị ảnh hưởng bởi những biến động vĩ mô của nền kinh tế. Tuy vậy, nhu cầu nước sạch sẽ tăng khi nền kinh tế tăng trưởng tốt, đặc biệt là trong bối cảnh tốc độ đô thị hóa cao. Theo quy hoạch về phát triển cấp nước cho các khu đô thị và công nghiệp đến năm 2025, Việt Nam hướng đến các mục tiêu tỷ lệ tiếp cận nước sạch được cung cấp tập trung ở khu đô thị là 100% với tiêu chuẩn tiêu thụ 120 lít/người/ngày. Trong khi đó, tỷ lệ tiếp cận nước sạch an toàn ở nông thôn chỉ đạt 75%. Đây là những cơ hội lớn cũng như dư địa lớn cho việc tăng trưởng của các doanh nghiệp ngành cấp nước nói chung và Lawaco nói riêng. Do vậy, ban lãnh đạo công ty luôn cập nhật và theo dõi diễn biến nền kinh tế nhằm nắm bắt kịp thời các vấn đề đang diễn ra để đưa ra các biện pháp, chiến lược phù hợp để tối ưu hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

### Rủi ro lạm phát

Trong những năm gần đây, Chính phủ Việt Nam luôn nỗ lực điều tiết và kiểm soát lạm phát duy trì ở mức thấp, dưới 4%/năm. Dưới tác động của dịch Covid-19 đã tạo nên những biến động trong giá cả hàng hóa, đặc biệt tăng đột biến vào những tháng đầu năm dẫn đến việc kiểm soát lạm phát theo mục tiêu của Quốc hội gặp khó khăn. Xu hướng tăng của lạm phát chủ yếu do giá thịt lợn tăng 57,23% so với năm trước do chưa đảm bảo nguồn cung. Tuy nhiên, dưới sự chỉ đạo, điều hành sát sao của Chính phủ, CPI bình quân năm 2020 tăng 3,23% so với 2019, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra.



### Rủi ro lãi suất

Từ đầu năm 2020, Ngân hàng Nhà nước đã có nhiều đợt cắt giảm lãi suất, cụ thể lãi suất tái cấp vốn giảm từ 6% xuống 4%, lãi suất tái chiết khấu giảm từ 4% xuống 2,5%. Đồng thời, lãi suất huy động và cho vay của các ngân hàng giảm và được xem là mức thấp nhất trong nhiều năm qua. Lãi suất vay ngắn hạn tối đa bằng VNĐ đối với một số lĩnh vực ở mức 4,5%/năm. Trong khi đó, lãi suất cho vay ngắn hạn bằng USD ở mức 3,0 - 4,5%/năm. Lãi suất trong thời gian tới sẽ phụ thuộc nhiều vào biến động của các biến số kinh tế vĩ mô khác như tỷ giá, lạm phát, cán cân thanh toán và thanh khoản của hệ thống ngân hàng trong nước, và

đối với các khoản vay ngoại tệ sẽ có những thay đổi trong chính sách, hợp đồng cho vay do lãi suất tham chiếu LIBOR bị khai tử và sẽ thay thế bởi những lãi suất tham chiếu khác.

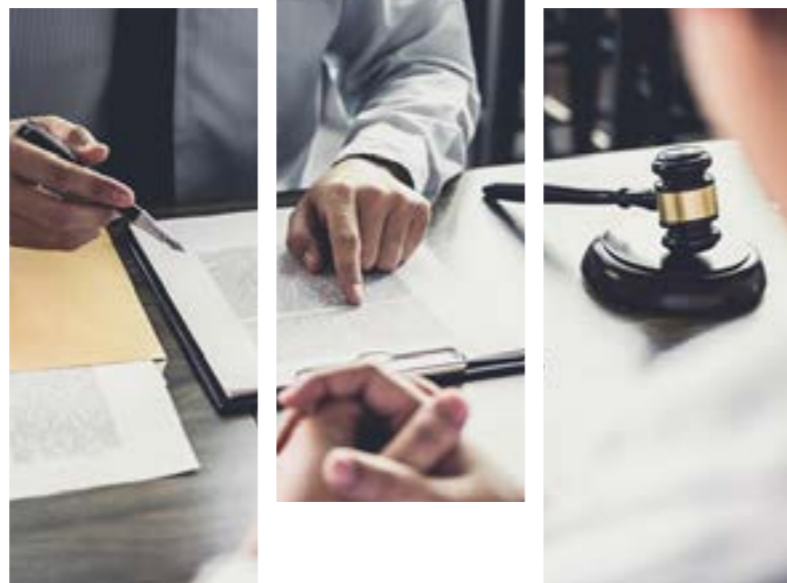
Mặc dù hiện nay, cơ cấu nguồn vốn của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng phần lớn là vốn chủ sở hữu, tỷ trọng nợ vay của Công ty luôn được kiểm soát ở mức thấp và duy trì ổn định qua các năm cũng như khoản vay ODA của công ty bằng VNĐC vì vậy những biến đổi trong chính sách điều hành lãi suất của Ngân hàng Nhà nước tác động đến chi phí vốn của công ty là không nhiều.



## CÁC RỦI RO (TIẾP THEO)

### Rủi ro pháp luật

Mọi hoạt động của công ty chịu sự chi phối của Bộ Luật và các văn bản dưới luật. Cụ thể, khi Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/06/2020 và Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ban hành ngày 26/11/2019 cùng có hiệu lực vào 01/01/2021 sẽ ảnh hưởng đáng kể đến công tác quản trị và hoạt động công ty. Ngoài ra, công ty còn chịu sự ảnh hưởng từ các Thông tư, Nghị định, văn bản pháp luật liên quan đến lĩnh vực khai thác, xử lý và cung cấp nước như Luật Tài nguyên nước, Luật Bảo vệ môi trường.



Việt Nam ngày càng phát triển, hội nhập với thế giới, do đó hệ thống pháp luật Việt Nam đã và đang hoàn thiện để đảm bảo hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp thuận lợi và ít rủi ro hơn. Lawaco luôn chú trọng việc tuân thủ pháp luật là những mục tiêu quan trọng trong quá trình phát triển bền vững của công ty và nhằm giảm thiểu rủi ro pháp luật ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, công ty luôn chủ động cập nhật những thay đổi trong văn bản pháp luật, các quy định liên quan để đảm bảo hoạt động kinh doanh hiệu quả của công ty.

### Rủi ro đặc thù ngành

#### Rủi ro giá cả đầu ra

Ngành cung cấp nước sạch là ngành dịch vụ công ích chịu sự kiểm soát bởi chính quyền địa phương, do vậy giá nước đầu ra của Lawaco được áp dụng theo Quyết định số 22/2018/QĐ-UBND tỉnh Lâm Đồng. Giá nước phục vụ cho sinh hoạt được quy định sẵn cộng với tỷ lệ thất thoát nước cao và chi phí đầu vào phục vụ cho công tác sản xuất kinh doanh không ổn định đã tác động tới lợi nhuận của công ty. Công ty thường xuyên kiểm soát chi phí và tỷ lệ thất thoát nước nhằm duy trì lợi nhuận kinh doanh ổn định.



### Rủi ro thất thoát nước, thất thu nước sạch

Rủi ro thất thoát nước luôn là ưu tiên hàng đầu của các Công ty hoạt động trong lĩnh vực khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch, thể hiện lợi thế cạnh tranh của công ty. Nước thất thoát được chia thành 02 loại: thất thoát hữu hình (do bể vỡ đường ống nước, dùng cho công tác xúc sả đường ống, thổi rửa giếng và có thể khắc phục được) và thất thoát vô hình (do rò rỉ mạng đường ống nước theo mối nối) - là loại thường khó phát hiện, nên việc kiểm soát khó khăn và công tác sửa chữa thường tốn kém.

Ngoài ra, thất thu nước sạch có thể xuất phát từ việc chậm thanh toán hoặc không thanh toán của khách hàng; hoặc do đồng hồ lưu lượng nước hoạt động không đúng; hay đến từ các hành vi gian lận trong việc sử dụng nước sạch không thông qua đồng hồ.

Trước các thực trạng được nêu, công ty luôn chú trọng trong việc xây dựng các giải pháp như: lập kế hoạch kiểm tra, dò tìm; sửa chữa các điểm rò rỉ để giảm thiểu tỷ lệ thất thoát nước, thất thu nước sạch.

### Rủi ro trong công tác kiểm soát chất lượng nước sạch cung cấp

Công tác kiểm soát chất lượng nước nguồn luôn được công ty chú trọng đầu tư trong suốt quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Đối với các thiết bị máy móc phục vụ công tác sản xuất nước sạch luôn được theo dõi, giám sát tình trạng hoạt động và duy tu, bảo dưỡng thường xuyên, định kỳ theo kế hoạch của công ty nhằm bảo đảm nước đến tay khách hàng tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh và lưu lượng nước. Ngoài ra, công ty luôn lập kế hoạch dự báo các rủi ro có thể xảy ra, các biện pháp ứng phó cho từng tình huống nhằm hạn chế thiệt hại, và không để xảy ra tình trạng thiếu nước

### Rủi ro môi trường

Tỉnh Lâm Đồng tập trung nhiều doanh nghiệp hoạt động sản xuất trong lĩnh vực nông lâm nghiệp, và công nghiệp trên địa bàn tỉnh hiện nay đang phát triển nhanh chóng, do đó kéo theo tình trạng ô nhiễm về nguồn nước. Số lượng phân bón rửa trôi, các chất độc hại có trong thuốc trừ sâu được sử dụng trong quá trình hoạt động có thể ngấm vào nguồn nước ngầm, làm ô nhiễm nước ngầm. Không những vậy, rác thải trôi theo các dòng nước ở các kênh, rạch sẽ gây tắc ở các cống thoát nước, làm gây ra hiện tượng ngập cục bộ. Bên cạnh đó, các nhà máy sản xuất hoạt động ở địa bàn tỉnh đa phần chưa có hệ thống xử lý nước thải đúng tiêu chuẩn; rác thải sinh hoạt từ các hộ dân sinh sống trên địa bàn tỉnh không được thu gom, xử lý cũng gây ô nhiễm cho nguồn nước ngầm. Những vấn đề này gây ra không ít khó khăn cho công ty trong việc đảm bảo cung cấp nguồn nước sạch đến tay người tiêu dùng.

### Rủi ro khác

Bên cạnh các nhân tố đã được trình bày, công ty còn phải đối mặt với các rủi ro khác như hỏa hạn, thiên tai, dịch bệnh, rủi ro sự cố trong quá trình vận hành,.. là những rủi ro bất khả kháng, không thể loại trừ và nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại về tài sản, con người và tình hình hoạt động của công ty. Tuy nhiên, công ty có thể giảm thiểu bằng cách áp dụng các biện pháp như nâng cao ý thức người lao động trong công tác phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động trong quá trình làm việc, mua bảo hiểm tài sản, bảo hiểm cho nhân viên, để giảm thiểu tối đa thiệt hại khi những biến cố xảy ra.





## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG **02** TRONG NĂM 2020

---

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư, thực hiện dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông
- Báo cáo trách nhiệm với môi trường và cộng đồng

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



Chỉ tiêu	TH 2019	KH 2020	TH 2020	% TH 2020/ KH 2020	% TH 2020/ TH 2019
Doanh thu thuần	253.670	260.762	251.221	96,34%	-0,97%
Tổng doanh thu	296.274	285.637	298.061	104,35%	0,60%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	44.707		51.416		15,01%
Lợi nhuận trước thuế	44.389	27.296	49.543	181,50%	11,61%
Lợi nhuận sau thuế	35.287	21.837	38.650	176,99%	9,53%

Nguồn: BCTC kiểm toán CTCP Cấp thoát nước Lâm Đồng năm 2020, Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2020

Năm 2020 đánh dấu sự chuyển mình của LDW sau hơn 02 năm cổ phần hóa. Trong năm 2020, do chịu sự tác động của dịch bệnh Covid-19 đã làm trì trệ hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp điều này đã tác động tới kết quả hoạt động của LDW. Nhìn chung, LDW đã hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra. Tuy nhiên doanh thu thuần năm 2020 chỉ đạt 96,34% kế hoạch, đạt 251.221 triệu đồng, giảm 0,97% so với 2019, một phần là do sản lượng nước sản xuất và ghi thu của công ty phụ thuộc nhu cầu tiêu dùng của các hộ dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, mà do sự xuất hiện của dịch Covid-19 đã khiến cho hoạt động sản xuất của doanh nghiệp gián đoạn

một thời gian ảnh hưởng đến lượng tiêu thụ nước; một phần là do khách hàng tận dụng lượng nước mưa để phục vụ sản xuất; đồng thời Lawaco còn giảm 10% giá bán nước sạch cho sinh hoạt và cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong 03 tháng (từ 01/04/2020 - 30/06/2020).

Tổng doanh thu của công ty tăng nhẹ 0,6% so với năm trước. Lợi nhuận trước và sau thuế của công ty đều tăng trưởng so với 2019, lần lượt tăng 11,61% và 9,53%. Nguyên nhân chính đến từ doanh thu hoạt động tài chính tăng 5,3%, chủ yếu đến từ lãi tiền gửi và kiểm soát tốt các khoản chi phí, cụ thể là chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 14,23%.

## Cơ cấu doanh thu từng mảng kinh doanh

Đơn vị tính: Triệu đồng

Khoản mục	2019		2020		Tăng/ giảm (%)
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	
Nước sạch	221.321	87,25%	220.469	87,76%	-0,38%
Xử lý nước thải	17.751	6,99%	16.325	6,50%	-8,03%
Xây dựng, lắp đặt hệ thống cấp nước	13.793	5,44%	13.717	5,46%	-0,55%
Khác	805	0,32%	710	0,28%	-11,80%
<b>Tổng cộng</b>	<b>253.670</b>	<b>100</b>	<b>251.221</b>	<b>100</b>	<b>-0,97%</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán CTCP Cấp thoát nước Lâm Đồng năm 2020

Hoạt động cung cấp nước sạch là mảng kinh doanh chính của công ty, đóng vai trò chủ đạo trong chiến lược phát triển dài hạn của Công ty. Cụ thể, doanh thu năm 2020 của mảng này đạt 220.469 triệu đồng, giảm 0,38% so với cùng kỳ năm trước, nhưng luôn chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu doanh thu với 87,76%.

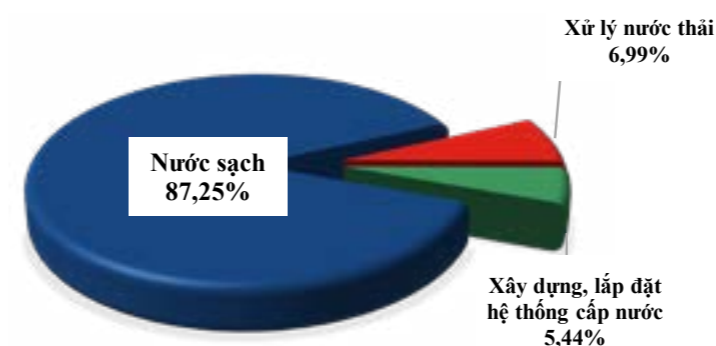
LAWACO được đánh giá là đơn vị cấp nước có trình độ quản lý và ứng dụng công nghệ cao so với các doanh nghiệp cùng ngành trên địa bàn miền Trung - Tây Nguyên. Với quy mô thị trường cung cấp nước sạch lớn và không ngừng tăng trưởng theo tốc độ đô thị hóa và gia tăng dân số, nhu cầu sử dụng nước sạch gia tăng do

người dân ý thức được vai trò của nguồn nước sạch đối với sức khỏe và đời sống hằng ngày, do vậy Công ty xác định mảng cung cấp nước sạch là mảng kinh doanh chiến lược trong tương lai.

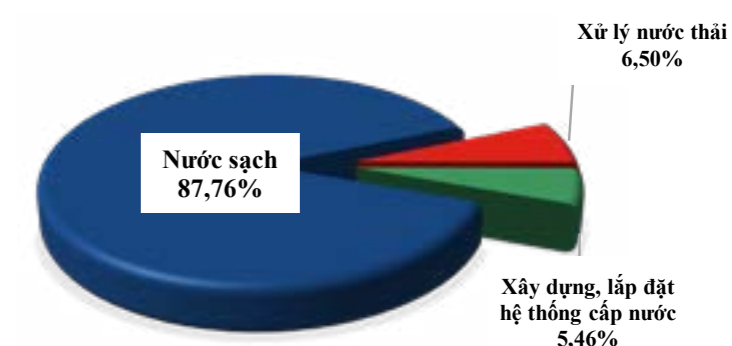
Bên cạnh mảng kinh doanh chính, công ty còn cung cấp dịch vụ xử lý nước thải và xây dựng, lắp đặt hệ thống cấp nước với doanh thu lần lượt là 16.325 và 13.717 triệu đồng. Ngoài ra, công ty còn ghi nhận doanh thu từ hoạt động khác đạt 710 triệu đồng, giảm 11,80% so với cùng kỳ năm trước, nhưng đây là mảng chiếm tỷ trọng không đáng kể.



2019



2020



## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### Danh sách Ban điều hành

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu và đại diện	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Hùng Cường	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	31.512.924	39,99%
2	Nguyễn Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc	3.600	0,01%
3	Bùi Hoàng Trường Vĩ	Quyền Kế toán trưởng	1.300	0,00%

### Danh sách thay đổi thành viên trong Ban điều hành

STT	Thành viên	Chức vụ	Thay đổi
1	Nguyễn Hùng Cường	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm 08/09/2020
2	Võ Quốc Trang	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm 08/09/2020

### Lý lịch Ban điều hành

#### Ông Nguyễn Hùng Cường

##### Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng
- Quá trình công tác
  - 09/1988 - 05/1989: Kỹ thuật viên Xí nghiệp Công trình Giao thông Lâm Đồng.
  - 05/1989 - 1998: Công nhân Công ty TNHH Cấp thoát nước Lâm Đồng.
  - 1998 - 09/2004: Kỹ thuật viên Công ty TNHH Cấp thoát nước Lâm Đồng.
  - 09/2004 - 07/2006: Đội phó đội Xây dựng cơ bản Công ty TNHH Cấp thoát nước Lâm Đồng.
  - 04/2006 - 10/2007: Đội trưởng đội Xây dựng cơ bản Công ty TNHH Cấp thoát nước Lâm Đồng.
  - 10/2007 - 02/2009: Giám đốc kiêm Bí thư chi bộ Xí nghiệp xây lắp Công ty TNHH Cấp thoát nước Lâm Đồng.
  - 02/2009 - 07/2009: Phó Giám đốc Công ty TNHH Cấp thoát nước Lâm Đồng.
  - 07/2009 - 10/2011: Giám đốc kiêm Bí thư chi bộ Xí nghiệp xây lắp Công ty TNHH Cấp thoát nước Lâm Đồng.
  - 10/2011 - 09/2012: Chuyên viên phòng Quản lý Xây dựng Sở Xây dựng Lâm Đồng.
  - 09/2012 - 09/2017: Phó trưởng phòng Hạ tầng kỹ thuật Sở Xây dựng Lâm Đồng.
  - 09/2017 - 09/2020: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.
  - 09/2020 - nay: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.
- Số lượng cổ phần sở hữu:
  - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ).
  - Đại diện sở hữu: đại diện Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng: 31.512.924 cổ phiếu (chiếm 39,99% vốn điều lệ).

#### Ông Nguyễn Văn Dũng

##### Phó Tổng Giám đốc

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính - Kế toán
- Quá trình công tác
  - 1990: Nhân viên Cục Thống kê Lâm Đồng.
  - 1991 - 1994: Nhân viên phòng Kế toán Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng.
  - 1995 - 2008: Phó phòng Kế toán Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng.
  - 2009 - 05/2008: Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng.
  - 06/2018 - nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.
- Số lượng cổ phần sở hữu:
  - Sở hữu cá nhân: 3.600 cổ phiếu (chiếm 0,005% vốn điều lệ).
  - Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ).

#### Ông Bùi Hoàng Trường Vĩ

##### Quyền Kế toán trưởng

- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác
  - 03/2004 - 10/2007: Nhân viên phòng Kế toán tài chính Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng.
  - 11/2007 - 12/2011: Nhân viên phòng Quản lý chất lượng Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng.
  - 01/2012 - 06/2018: Nhân viên phòng kế toán tài chính Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng.
  - 06/2018 - nay: Quyền kế toán trưởng Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.
- Số lượng cổ phần sở hữu:
  - Sở hữu cá nhân: 1.300 cổ phiếu (chiếm 0,002% vốn điều lệ).
  - Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ).

### Danh sách thay đổi thành viên HĐQT, BKS, BTGD trong năm 2020

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Nguyễn Hùng Cường	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	9/8/2020	-
2	Trần Thị Thủy	Kiểm soát viên	6/9/2020	-
3	Võ Quốc Trang	Phó Chủ tịch HĐQT	-	10/22/2020
		Tổng Giám đốc	-	9/8/2020
4	Nguyễn Hải Tâm	Kiểm soát viên	-	6/9/2020

## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (TIẾP THEO)

### Số lượng cán bộ công nhân viên

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
<b>I</b>	<b>Theo trình độ lao động</b>	<b>373</b>	<b>100%</b>
1	Trình độ đại học, trên đại học	139	37.27%
2	Trình độ cao đẳng	17	4.56%
3	Trình độ trung cấp	41	10.99%
4	Công nhân kỹ thuật	176	47.18%
<b>II</b>	<b>Theo tính chất hợp đồng lao động</b>	<b>373</b>	<b>100%</b>
1	Hợp đồng không thời hạn	363	97.32%
2	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	-	-
3	Hợp đồng xác định từ 1 - 3 năm	10	2.68%
<b>III</b>	<b>Theo giới tính</b>	<b>373</b>	<b>100%</b>
1	Nam	274	73.46%
2	Nữ	99	26.54%

### Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	2016	2017	2018	2019	2020
Tổng số lượng người lao động (người)	498	455	439	389	373
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	7.589.000	8.113.000	8.239.000	10.343.000	11.071.000



**Lawaco chất lượng nước vì cuộc sống**



## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (TIẾP THEO)

### Chính sách nhân sự



#### Chính sách đào tạo

Nguồn nhân lực đóng vai trò then chốt, là vị trí trung tâm trong quá trình hình thành và phát triển bền vững của công ty. Hiểu rõ tầm quan trọng chất lượng đội ngũ CBCNV trong việc thực hiện chiến lược dài hạn của công ty, Lawaco chú trọng đến công tác đào tạo, không ngừng nâng cao chất lượng nguồn lực thông qua các chương trình đào tạo. Ngoài ra, công ty luôn khuyến khích, tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các chương trình đào tạo chuyên sâu nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, phát huy tính sáng tạo, các sáng kiến, giải pháp nhằm cải thiện hiệu quả hoạt động kinh doanh. BCH Công đoàn tham mưu, phối hợp với chính quyền quan tâm tạo điều kiện cho người lao động tham gia các khóa tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cụ thể là tập huấn pháp luật lao động tiền lương, BHXH, BHYT, BHTN do Sở Lao động Thương Binh & Xã Hội tổ chức, tập huấn an toàn vệ sinh lao động, tập huấn đối thoại định kỳ về pháp luật lao động năm 2020 do Cục An Toàn Lao Động Thương Binh Xã Hội tổ chức, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng an ninh cho đối tượng 3 năm 2020. Ngoài ra, Công ty cũng tạo điều kiện cho người lao động tham gia lớp tập huấn đấu thầu qua mạng tại Tp. Hồ Chí Minh, mở khóa học lớp điện tử động hóa, tham gia lớp đào tạo người quản lý năng lượng. Công ty cũng tổ chức lớp ôn tập, thi tay nghề cho lao động trực tiếp với 97 người.



#### Chính sách lương, thưởng

Hệ thống lương thưởng của Công ty được xây dựng phù hợp từng giai đoạn phát triển, theo từng vị trí và mức độ hoàn thành công việc để đảm bảo tính công bằng và luôn tạo điều kiện cho người lao động có chuyên môn cao được hưởng lương tương xứng với cống hiến của họ. Ngoài ra, Lawaco còn có chính sách lương thưởng đối với những CBCNV có thành tích tốt, thưởng theo kết quả công việc nhằm tạo động lực, khuyến khích người lao động không ngừng nâng cao hiệu suất làm việc, đóng góp các sáng kiến, giải pháp để cải thiện hiệu quả kinh doanh của công ty.



#### Chính sách bảo hiểm, phúc lợi

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm theo quy định của Nhà nước, đảm bảo quyền lợi của người lao động. Ngoài những quyền lợi được quy định trong Luật Lao động, Lawaco còn tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể CBCNV, tổ chức các hoạt động tập thể nhằm tạo không khí thi đua, rèn luyện sức khỏe và gắn kết mối quan hệ của các CBCNV. Năm 2020, công ty đã tổ chức 03 đợt tham quan nghỉ mát tại Nha Trang cho toàn thể Cán bộ, người lao động trong Công ty nhằm tạo điều kiện cho người lao động được nghỉ ngơi sau những ngày lao động và qua đó tạo sự tương tác, gắn kết giữa đồng nghiệp với nhau.

Theo quy định tại Thỏa ước lao động tập thể, hằng năm, NLD trong Công ty được khám sức khỏe định kỳ. Công ty đảm bảo các điều kiện an toàn lao động và vệ sinh theo đúng quy định, tiến hành đo quan trắc môi trường tại tất các Văn Phòng, nhà máy, trạm trực thuộc Công ty. NLD làm các công việc có yêu cầu về phương tiện bảo hộ, dụng cụ làm việc đều được trang bị theo đúng quy định, đảm bảo chất lượng và đúng yêu cầu công việc. Tập huấn an toàn vệ sinh lao động cho người lao động.



#### Môi trường làm việc

Môi trường làm việc luôn được công ty chú trọng, tạo môi trường làm việc thân thiện, thoải mái và chuyên nghiệp để người lao động cảm thấy như là một phần của tổ chức. Công ty luôn nỗ lực tạo môi trường làm việc năng động để CBCNV phát huy hết năng lực, cải thiện năng suất làm việc nhằm góp phần thúc đẩy doanh nghiệp phát triển. Bên cạnh đó, công ty luôn duy trì và gìn giữ văn hóa doanh nghiệp với môi trường làm việc hài hòa, đoàn kết, gắn kết từ cấp lãnh đạo đến toàn thể nhân viên của công ty; đồng thời lan tỏa nét đặc trưng của doanh nghiệp nhằm nâng cao định vị thương hiệu của LDW.

Công ty thực hiện xây dựng chuyên đề xanh, sạch, đảm bảo An toàn vệ sinh lao động trong Công ty, BCH Công đoàn trang bị 01 bộ ghế đá cho NMN Đam Rông trị giá 2.5 triệu đồng; 01 bình nước nóng cho trạm Đình Văn, NMN Lâm Hà trị giá 3,9 triệu đồng; Công Đoàn NMN Đạ Tẻh trồng cây và hoa tại Văn Phòng và trạm trực trị giá 2,4 triệu đồng; trồng lan, phân công người chăm lan tại Văn Phòng công ty; trang bị 03 bộ bóng bàn tại hội trường Công ty nhằm tạo điều kiện cho người lao động rèn luyện tăng cường sức khỏe sau giờ làm việc.

## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

### Các dự án đầu tư

#### Hạng mục công trình sửa chữa lớn

STT	Đơn vị/ Hạng mục công trình	Giá trị (Triệu đồng)	Mức đầu tư (Triệu đồng)	Giá trị thực hiện (Triệu đồng)
<b>I. Công trình đầu tư năm 2019 - Chuyển sang 2020</b>				
<b>A</b>	<b>ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT</b>	<b>2150</b>	<b>2150</b>	<b>1582</b>
1	Sửa chữa máy phát điện 500 KVA	150	150	-
2	Sửa chữa, cải tạo NMN Than Thở phần XD	2000	2000	1582
<b>II. Công trình đầu tư năm 2020</b>				
<b>A</b>	<b>ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT</b>	<b>13.224</b>	<b>8.254</b>	<b>1676</b>
1	Nhà máy nước Đan Kia	260	260	-
2	Tại Thành phố Đà Lạt	12.964	7.994	1676
<b>B</b>	<b>NHÀ MÁY NƯỚC ĐƠN DƯƠNG</b>	<b>20</b>	<b>20</b>	<b>-</b>
<b>C</b>	<b>NHÀ MÁY NƯỚC LÂM HÀ</b>	<b>968</b>	<b>484</b>	<b>379</b>
<b>D</b>	<b>NHÀ MÁY NƯỚC ĐẠM RÔNG</b>	<b>200</b>	<b>200</b>	<b>-</b>
<b>E</b>	<b>NHÀ MÁY NƯỚC BẢO LÂM</b>	<b>5.124</b>	<b>2.562</b>	<b>992</b>

#### Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, Công ty liên kết

Tên Công ty	Chứng nhận ĐKDN/ Ngành nghề kinh doanh	Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Giá trị sổ sách (Tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu
CTCP Cấp thoát nước và Xây dựng Đức Trọng Địa chỉ: Số 81 đường Nguyễn Công Trứ, thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng, Lâm Đồng	5800970630 Khai thác, xử lý và cung cấp nước	13,5	5,47	32,10%
CTCP Cấp nước và Xây dựng Di Linh Địa chỉ: Số 524 đường Hùng Vương, thị trấn Di Linh, huyện Di Linh, Lâm Đồng	5800831612 Khai thác, xử lý và cung cấp nước	14,2	5,66	40,00%

#### Các hạng mục công trình đầu tư mới và cải tạo nâng cấp

STT	Đơn vị/ Hạng mục công trình	Giá trị (Triệu đồng)	Mức đầu tư (Triệu đồng)	Giá trị thực hiện (Triệu đồng)	Ghi chú
<b>I. Công trình đầu tư năm 2019 - Chuyển sang 2020</b>					
<b>A</b>	<b>ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT</b>	<b>15000</b>	<b>15000</b>	<b>5288</b>	
1	Xây dựng NMN Phát Chi - Trạm Hành	15000	15000	5288	Đang tạm dừng thi công chờ hoàn thiện hồ sơ
<b>II. Công trình đầu tư năm 2020</b>					
<b>A</b>	<b>ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT</b>	<b>5300</b>	<b>5300</b>	<b>807</b>	
<b>B</b>	<b>NHÀ MÁY NƯỚC ĐƠN DƯƠNG</b>	<b>595</b>	<b>320</b>	<b>164</b>	
<b>C</b>	<b>NHÀ MÁY NƯỚC ĐẠM RÔNG</b>	<b>300</b>	<b>150</b>		
<b>D</b>	<b>NHÀ MÁY NƯỚC BẢO LÂM</b>	<b>18</b>	<b>18</b>		
<b>E</b>	<b>NHÀ MÁY NƯỚC ĐẠ HƯOAI</b>	<b>834</b>	<b>417</b>	<b>22</b>	
1	Tại thị trấn Đạm Ri	378	189		
2	Tại thị trấn Ma đa Guôi	456	228		
<b>G</b>	<b>NHÀ MÁY NƯỚC ĐẠ TÊH</b>	<b>1.435</b>	<b>718</b>		

Nguồn: LDW



## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN (TIẾP THEO)

### Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các Công ty liên doanh, Công ty liên kết

#### Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Đức Trọng

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Đức Trọng thuộc huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng, cách thành phố Đà Lạt 30km.

Công ty hoạt động trong lĩnh vực chính là khai thác, xử lý và cung cấp nước. Bên cạnh đó, Công ty còn hoạt động trong các ngành nghề khác như: Xây dựng công trình cấp, thoát nước; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; Hoạt động thiết kế chuyên dụng; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí; Hoạt động tư vấn quản lý; Kiểm tra và phân tích kỹ thuật...

#### Tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Đức Trọng

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Kế hoạch năm 2020	Tỷ lệ hoàn thành
Vốn điều lệ	13.500	13.500	13.500	13.500	100%
Tổng giá trị tài sản	20.117	22.117	24.607		
Doanh thu thuần	8.945	9.825	11.063	10.596	104%
Lợi nhuận sau thuế	2.284	2.627	3.783	2.696	140%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, 2019, 2020; Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 của CTCP Cấp thoát nước và Xây dựng Đức Trọng

#### Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Di Linh

Công ty Cổ phần Cấp nước và xây dựng Di Linh thuộc huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, cách thành phố Đà Lạt 50km.

Công ty hoạt động trong lĩnh vực chính là khai thác, xử lý và cung cấp nước. Bên cạnh đó, Công ty còn hoạt động trong các ngành nghề khác như: Thoát nước và xử lý nước thải; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; Hoạt động thiết kế chuyên dụng; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí; Hoạt động tư vấn quản lý; Kiểm tra và phân tích kỹ thuật...

#### Tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Di Linh

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Kế hoạch năm 2020	Tỷ lệ hoàn thành
Vốn điều lệ	14.200	14.200	14.980	14.980	100,00%
Tổng giá trị tài sản	22.713	28.166	29.744		
Doanh thu thuần	12.999	16.377	15.843	15.419	102,75%
Lợi nhuận sau thuế	457	1.322	1.471	1.260	116,75%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, 2019, 2020; Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 của CTCP Cấp thoát nước và Xây dựng Di Linh



## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Lợi nhuận sau thuế  
**38.650**  
Triệu đồng

Doanh thu thuần  
bán hàng và cung cấp dịch vụ  
**251.221**  
Triệu đồng

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% 2020/2019
1	Tổng giá trị tài sản	1.542.354	1.509.732	97,88%
2	Doanh thu thuần	253.670	251.221	99,03%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	44.707	51.416	115,01%
4	Lợi nhuận khác	-318	-1.873	588,16%
5	Lợi nhuận trước thuế	44.389	49.542	111,61%
6	Lợi nhuận sau thuế	35.287	38.650	109,53%

Nguồn: BCTC kiểm toán CTCP Cấp thoát nước Lâm Đồng năm 2020

## Các chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	9,78	9,36
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	9,49	9,1
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	22,06	21,31
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	28,3	27,08
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	10,35	11,42
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,16	0,16
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	13,91	15,38
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	2,94	3,23
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	2,27	2,53
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	%	17,62	20,47



## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)



Khả năng thanh toán

Trong năm 2020, các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của LDW hầu như không có nhiều thay đổi so với 2019. Hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh lần lượt là 9,36 lần và 9,10 lần. Các chỉ tiêu này đều giảm so với 2019. Nguyên nhân chủ yếu là do nợ ngắn hạn có mức tăng nhiều hơn so với tài sản ngắn hạn; cụ thể nợ ngắn hạn tăng 6,76% và tài sản ngắn hạn tăng 2,17%. Tài sản ngắn hạn tăng chủ yếu đến từ tiền và các khoản tương đương tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn với mức tăng lần lượt là 3,28% và 4,46%. Trong khi đó, với mức tăng 35,19% từ khoản tiền trả trước của người mua đã đóng góp vào mức tăng nợ ngắn hạn. Cả 2 chỉ số thanh toán xấp xỉ 9 lần chứng tỏ công ty có khả năng đáp ứng được các nhu cầu tài chính trong ngắn hạn.



Chỉ tiêu về  
cơ cấu vốn

Trong những năm qua, công ty luôn duy trì sức khỏe tài chính lành mạnh, ưu tiên dùng vốn tự có để tài trợ cho các dự án do vậy tổng nợ trong năm 2020 của LDW chiếm 21,31% tổng tài sản và 27,08% vốn chủ sở hữu. Cả 2 chỉ số Nợ/Tổng tài sản và Nợ/Vốn chủ sở hữu đều giảm là do trong năm qua công ty đã trả dần các khoản vay nợ dài hạn nên nợ phải trả giảm 5,45% so với 2019.



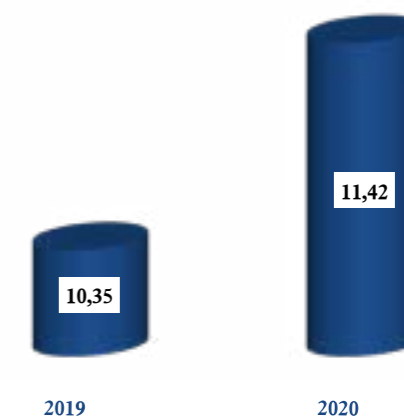
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Trong năm, vòng quay hàng tồn kho tăng từ 10,35 vòng lên 11,42 vòng do hàng tồn kho trong năm đã giảm 2,65% so với cùng kỳ. Nguyên nhân chủ yếu đến từ nguyên vật liệu tồn kho trong kỳ đã giảm từ 17,87 tỷ đồng xuống còn 17,05 tỷ đồng (giảm 4,56% so với cùng kỳ).

Do đặc thù ngành nghề nên tài sản của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cung cấp nước rất lớn, nên vòng quay tổng tài sản tương đối nhỏ. Vòng quay tài sản của LDW không có sự thay đổi nhiều qua các năm cho thấy hiệu quả hoạt động của công ty luôn duy trì ở mức ổn định.

Các chỉ số về khả năng sinh lời có đà tăng trưởng tích cực so với năm trước. Công ty hoạt động trong ngành thiết yếu nên ít bị ảnh hưởng bởi các yếu tố vĩ mô, và trong năm qua công ty đã hoàn thành tốt chỉ tiêu lợi nhuận do đó đã giúp cải thiện các chỉ số sinh lời. Cụ thể ROA và ROE lần lượt đạt 2,53% và 3,23%; Biên lợi nhuận ròng và biên lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh lần lượt đạt 15,38% và 20,47%.

Vòng quay hàng tồn kho



Chỉ tiêu về  
khả năng sinh lời



## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

### Thông tin cổ phiếu



### Cơ cấu cổ đông (tính đến ngày 31/12/2020)

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông Nhà nước	31.512.924	315.129.240.000	39,99%
II	Cổ đông lớn	46.213.676	462.136.760.000	58,65%
	Trong nước	46.213.676	462.136.760.000	58,65%
1	- Tổ chức	32.237.783	322.377.830.000	40,91%
	- Cá nhân	13.975.893	139.758.930.000	17,74%
2	Nước ngoài	-	-	-
III	Công đoàn công ty	-	-	-
IV	Cổ đông khác	1.073.400	10.734.000.000	1,36%
1	Trong nước	1.073.400	10.734.000.000	1,36%
2	Nước ngoài	-	-	-
	<b>Tổng cộng</b>	<b>78.800.000</b>	<b>788.000.000.000</b>	<b>100%</b>

### Danh sách cổ đông lớn (tại ngày 31/12/2020)

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
<b>Cổ đông nhà nước</b>			
1	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	31.512.924	39,99%
<b>Cổ đông lớn</b>			
2	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Thủy Anh	12.502.601	15,87%
3	Công ty Cổ phần Golden Stream	9.000.000	11,42%
4	Công ty TNHH Dịch vụ và thương mại Mesa	10.735.182	13,62%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>63.750.707</b>	<b>80,90%</b>

Tình hình thay đổi vốn góp của chủ sở hữu: Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

## BÁO CÁO TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG

### Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Công ty hoạt động trong lĩnh vực cấp thoát nước nên nguyên vật liệu sử dụng trong quá trình hoạt động chủ yếu là phèn, PAC, soda, clo và vôi. Dù là hóa chất được sử dụng trong mức cho phép để cung cấp nước sạch đáp ứng nhu cầu tiêu dùng nhưng Công ty vẫn có biện pháp bảo quản hợp lý, tránh lạm dụng gây tác hại đến môi trường sống. Do đặc thù ngành cấp thoát nước, các loại nguyên vật liệu được sử dụng trực tiếp để xử lý nước và nước thải và sau đó cung cấp trực tiếp cho khách hàng (nước sinh hoạt) hoặc thải trực tiếp ra môi trường (nước thải sau khi xử lý và đạt tiêu chuẩn theo quy định). Vì vậy, nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất thường không được tái chế để sử dụng. Tổng lượng nguyên vật liệu công ty sử dụng để sản xuất trong năm 2020 như sau:

Nguyên vật liệu	Đơn vị tính	Giá trị
Phèn	Đồng	911.561.682
PAC	Đồng	147.850.800
Soda	Đồng	871.922.895
Clo	Đồng	597.508.703
Vôi	Đồng	3.248.000
Nhiên liệu	Đồng	25.762.679
<b>Tổng cộng</b>	<b>Đồng</b>	<b>2.557.854.759</b>

Nguồn: LDW

Chi phí nguyên vật liệu thường chiếm một tỷ lệ nhất định trong giá thành sản phẩm và giá nguyên vật liệu, hóa chất tương đối ổn định cũng như Lawaco chủ động được nguyên liệu trong sản xuất, do đó những thay đổi trong giá nguyên vật liệu ít ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh của công ty. Tuy nhiên, vật liệu chính trong quá trình sản xuất là nguồn nước thô, phụ thuộc vào điều kiện thời tiết nên những tháng khô hạn làm giảm lượng nước cung cấp cho người tiêu dùng hoặc những tháng mưa lũ làm thay đổi chất lượng nước. Điều này tác động trực tiếp đến kết quả kinh doanh và công ty phải chịu gánh nặng chi phí điện năng và hóa chất để xử lý chất lượng nguồn nước.

### Tiêu thụ năng lượng

Năng lượng mà công ty sử dụng chủ yếu là điện năng và xăng dầu để vận hành các hệ thống xử lý nước, máy bơm. Trong quá trình hoạt động, Công ty luôn quán triệt, kêu gọi CBCNV sử dụng nguồn năng lượng hiệu quả, tiết kiệm góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động cho công ty.



### Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Hàng tuần, Công ty thực hiện công tác kiểm tra chất lượng nước để đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng theo quy định. Ngoài ra công ty tăng cường kiểm tra rủi ro thất thoát nước và không ngừng cải tiến sản xuất để giảm thiểu những rủi ro gây ra ô nhiễm ở khu vực sản xuất và các khu vực xung quanh.

Công ty tích cực tham gia trồng rừng, tái tạo môi trường tại các khu vực nhà máy nước của Công ty góp phần bảo tồn và duy trì hệ sinh thái tài nguyên rừng, thực

hiện nộp thuế tài nguyên, dịch vụ môi trường rừng và các loại thuế phí khác theo đúng quy định.

Trong những năm qua, công ty đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao ý thức người lao động và khuyến khích mọi người tham gia vào các hoạt động bảo vệ môi trường. Lawaco luôn tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường và tự hào là doanh nghiệp luôn đi đầu, được các cơ quan ban ngành khen thưởng trong công tác tích cực tham gia, bảo vệ môi trường.

### Chính sách liên quan đến người lao động

Công ty đã và đang tạo được việc làm ổn định cho cán bộ công nhân viên của mình, tuân thủ thực hiện đầy đủ các quy định của luật lao động, duy trì các chính sách phúc lợi đều đặn hàng năm. Kết quả là thu nhập bình quân của cán bộ công nhân viên trong những năm gần đây được cải thiện tích cực, người lao động có được công việc ổn định, tinh thần gắn bó với doanh nghiệp được nâng cao. Luôn duy trì thực hiện tốt công tác đoàn thể. Hàng tháng, công ty có sự kiện kết hợp cùng Chính quyền, công đoàn bình chọn xét thi đua, thăm hỏi nhân viên ốm đau.



### Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Trong quá trình hình thành và phát triển của Lawaco, Công ty đã tạo việc làm cho hàng trăm lao động tại địa phương, trong đó không ít lao động được nhận làm việc chính thức và lâu dài tại công ty. Bên cạnh hoạt động vì mục tiêu lợi nhuận, công ty còn quan tâm đến mục tiêu phi lợi nhuận, đóng góp vào sự phát triển chung của cộng đồng. Công ty thường xuyên tham gia các hoạt động đóng góp ủng hộ đồng bào miền Trung bị thiệt hại do thiên tai, bão lũ, giúp đỡ tài trợ những gia đình khó khăn, các hoạt động khuyến học tại các huyện, các xã còn nhiều khó khăn.

Trong năm, Công ty đã ủng hộ quỹ Vì người nghèo, quỹ Đền ơn đáp nghĩa, đóng góp quỹ xã hội của Liên đoàn lao động tỉnh với tổng số tiền 15 triệu đồng và cùng đoàn thanh niên tham gia hỗ trợ siêu thị 0 đồng do tỉnh đoàn tổ chức gồm 100kg gạo và 10 thùng mì trong tháng 4/2020. Công ty vận động CBCNV trích 1 ngày lương cơ bản ủng hộ miền Trung vào quỹ ban cứu trợ tỉnh Lâm Đồng tổng số tiền 93.788.000đ và hỗ trợ 7 đoàn viên có bố mẹ bị ảnh hưởng trực tiếp do bão lũ tổng số tiền 21 triệu đồng.





## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC **03**

---

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- Kế hoạch phát triển
- Báo cáo trách nhiệm với môi trường và xã hội



## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

### Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2020	TH 2020	% TH 2020/ KH 2020
Doanh thu thuần	Triệu đồng	260.762	251.221	96,34%
Tổng doanh thu	Triệu đồng	285.637	298.061	104,35%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	27.296	49.543	181,50%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	21.837	38.650	176,99%

Trước bối cảnh các nền kinh tế thế giới ảm đạm, Việt Nam là một trong những nước thuộc nhóm tăng trưởng cao nhất thế giới với tốc độ tăng trưởng GDP trong năm 2020 là 2,91%. Để đạt được những kết quả cho đến ngày hôm nay là nhờ vào sự đồng lòng của toàn dân, chỉ đạo đúng đắn và kịp thời của Chính phủ đã giúp nền kinh tế Việt Nam dần hồi phục.

Hoạt động kinh doanh của Lawaco trong năm 2020 bị tác động do đại dịch Covid-19, cùng với những biện pháp giãn cách xã hội làm gián đoạn hoạt động

sản xuất của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, đồng thời các chính sách giảm giá bán của Lawaco để hỗ trợ cho doanh nghiệp và người dân đã làm cho doanh thu thuần trong năm 2020 của công ty không diễn ra theo đúng kế hoạch, đạt 96% so với kế hoạch đề ra. Tổng doanh thu tăng 0,6% và vượt 4,35% kế hoạch chủ yếu đến từ doanh thu lãi tiền gửi. Nhờ vào sự nỗ lực trong công tác điều hành, áp dụng công nghệ và nhiều giải pháp kiểm soát chi phí nên trong năm 2020 lợi nhuận trước thuế và sau thuế tăng trưởng vượt trội và bỏ xa kế hoạch đề ra.

### THUẬN LỢI

- » Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng là đơn vị cấp nước toàn tỉnh, không phân biệt đô thị, nông thôn, miền núi. LAWACO được đánh giá là đơn vị cấp nước có trình độ quản lý tiên tiến, công nghệ hiện đại; ngang tầm với các công ty cấp nước tại khu vực Miền Trung - Tây Nguyên từng bước hội nhập với trình độ các công ty lớn trong nước.
- » Nước sạch cung cấp cho sinh hoạt và hoạt động sản xuất kinh doanh là những sản phẩm thiết yếu đối với xã hội, nhu cầu nước sạch ngày càng gia tăng khi nền kinh tế phát triển và sự quan tâm của người dân về vai trò nước sạch đối với đời sống, sức khỏe.
- » Quá trình đô thị lớn và tăng thu nhập của người dân thành phố Đà Lạt và khu vực thị trấn, huyện lỵ, cùng với yêu cầu phát triển Đà Lạt thành trung tâm du lịch và nghỉ dưỡng mang tầm quốc tế làm tăng nhu cầu xử lý, thoát nước đô thị đảm bảo môi trường xanh sạch đẹp, là thị trường tiềm năng cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

### Những khó khăn, thuận lợi của Công ty

#### KHÓ KHĂN

- Các hệ thống cấp nước đã cũ kỹ, xây dựng từ lâu nên khi vận hành còn gặp nhiều sự cố rò rỉ đường ống, làm cho tỷ lệ thất thoát nước khá cao, làm tăng chi phí và giảm lợi nhuận kinh doanh.
- Nguồn nước phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên, thường xuyên khô cạn vào mùa nắng như Hồ Chiến Thắng - NMN Xử lý nước Hồ Than Thở, Suối Đá Bảo - nhà máy xử lý nước D'ran, các Trạm bơm giếng Bảo Lâm cạn dần dẫn đến công suất các trạm thấp, bình quân từ 10 đến trên dưới 25 m<sup>3</sup>/h và xảy ra hiện tượng thiếu nước, nguồn nước Thác 07 Tầng xã Đông Thanh-(NMN Nam Ban) thường xuyên thiếu nước vào mùa khô, trạm Tân Hà không có nước phải chờ thủy điện xả mới bơm được, nguồn nước có nguy cơ đe dọa nhiễm bẩn như hồ Đan Kia-Suối Vàng.
- Lượng khách hàng tăng, nhu cầu sử dụng nước tăng trong khi hệ thống đường ống cấp nước còn bất cập như cũ, mục gây bể vỡ... đã ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ gây tác động đến hiệu quả sản xuất kinh doanh.

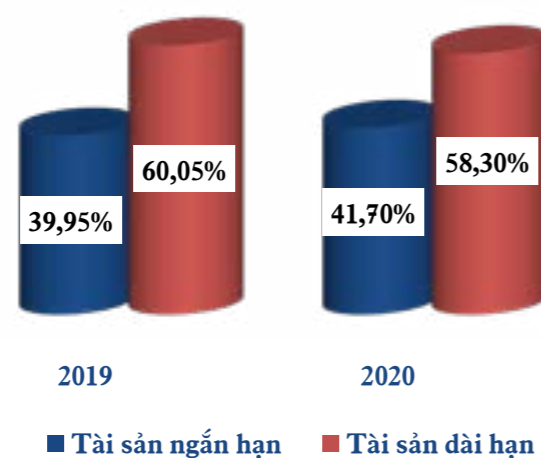
## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### Tình hình tài sản

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		Tăng/giảm(%)
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	
Tài sản ngắn hạn	616.216	39,95	629.562	41,7	2,17
Tài sản dài hạn	926.138	60,05	880.170	58,3	-4,96
<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.542.354</b>	<b>100</b>	<b>1.509.732</b>	<b>100</b>	<b>-2,12</b>

### Cơ cấu tài sản



Đặc thù ngành cấp thoát nước đòi hỏi mức thâm dụng vốn lớn nên tài sản dài hạn luôn chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu tài sản, chiếm 58,30% trong năm 2020. Tài sản ngắn hạn tăng 2,17% so với 2019 chủ yếu đến từ khoản trả trước cho người bán tăng 270,97%, cụ thể là ứng tiền trước cho các công ty cung cấp dịch vụ xây dựng công trình cấp, thoát nước. Điều này cho thấy công ty tập trung đầu tư nâng cấp công suất nhà máy nước, cải tạo hệ thống cấp nước nhằm làm giảm tỷ lệ thất thoát nước, đáp ứng nhu cầu sử dụng tránh thiếu hụt nguồn nước ở một số khu vực. Bên cạnh đó, theo Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐQT ngày 16/07/2018 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng thống nhất giữ lại số tiền bán cổ phần để đầu tư phát triển Công ty. Theo đó, toàn bộ số tiền thu được từ tăng vốn chủ sở hữu, Công ty đem gửi tại các ngân hàng thương mại. Tại ngày 31/12/2020, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ 06 đến 12 tháng có giá trị 561.667.893.764 đồng được gửi tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất từ 7,0% đến 7,7%/năm.

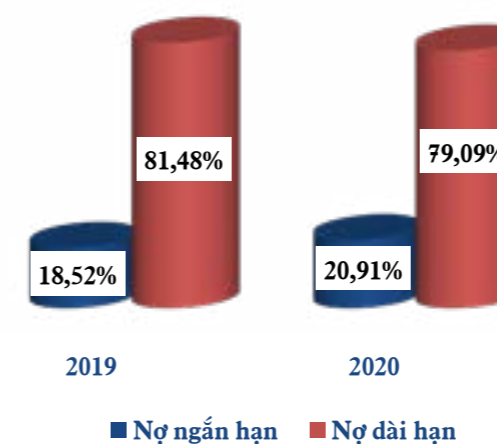
Đối với tài sản dài hạn, chi phí xây dựng cơ bản dở dang 2020 tăng 2.563 triệu đồng tương ứng tăng 39,32%; tuy nhiên sự sụt giảm giá trị trong tài sản cố định hữu hình do khấu hao với mức giảm 51.475 triệu đồng tương ứng

### Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		Tăng/giảm(%)
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	
Nợ ngắn hạn	63.007	18,52	67.264	20,91	6,76
Nợ dài hạn	277.238	81,48	254.423	79,09	-8,23
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>340.245</b>	<b>100</b>	<b>321.687</b>	<b>100</b>	<b>-5,45</b>

### Cơ cấu nợ phải trả



Trong những năm qua, nợ dài hạn luôn chiếm tỷ trọng cao. Tổng nợ phải trả năm 2020 giảm 5,45%, trong đó nợ ngắn hạn chiếm 20,91%, nợ dài hạn chiếm 79,09%.

Nợ ngắn hạn của công ty tăng 6,76% chủ yếu là các khoản thuế phải nộp tăng 90,28%, phải trả người lao động tăng 40,29%. Nợ dài hạn của công ty giảm 8,23%, trong đó nợ vay dài hạn chiếm tỷ trọng cao nhất với 99,48% trong cơ cấu nợ dài hạn do Công ty đã sử dụng vốn vay từ World Bank để tài trợ cho tiểu dự án Cấp nước Lâm Đồng với lãi suất 3%/năm và dự án Cấp nước Đà Lạt với lãi suất 6,75%/năm.



## NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Trong thời gian qua, Lawaco không ngừng cải tiến thủ tục, cải tiến phương thức quản lý bằng công nghệ thông tin như: Chương trình quản lý công văn (phần mềm Portal Office), chương trình quét mã vạch (DTTN), đọc số bằng thiết bị cầm tay, thiết kế hồ sơ gắn mới, nâng, dời,... bằng phần mềm vi tính. Ngoài ra, Lawaco đang áp dụng hình thức thanh toán online giúp khách hàng có thêm lựa chọn thanh toán tiền nước, giảm thiểu thời gian di chuyển, tiết kiệm chi phí. Hiện nay, Công ty ứng dụng phần mềm GIS (hệ thống thông tin địa lý) để hệ thống toàn bộ cơ sở dữ liệu nền cho công tác quản lý. Bên cạnh đó, các thiết bị phục vụ cho công tác giảm nước không doanh thu đều được công ty lựa chọn cẩn

thận, nhập từ các nước tiên tiến như Mỹ, Thụy Sĩ, Anh quốc ... nhằm đảm bảo chất lượng và hiệu quả sử dụng cho công việc.

Công ty đã trang bị máy phát điện dự phòng cho nhà máy nước Đan Kia Suối Vàng để đảm bảo nước được cung cấp cho các hộ dân, doanh nghiệp liên tục, không thiếu hụt nước. Công ty đã triển khai mô hình giao dịch “một cửa” tại Xí nghiệp cấp nước Đà Lạt nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, tiếp nhận hồ sơ, phản hồi thông tin của khách hàng cũng như giải đáp thắc mắc, khiếu nại của khách hàng để dần tạo lòng tin cho khách hàng và nâng cao thương hiệu, vị thế của Lawaco.



## KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

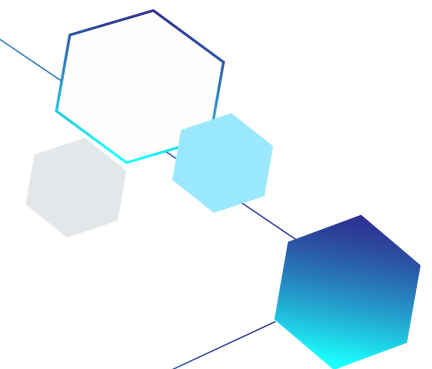
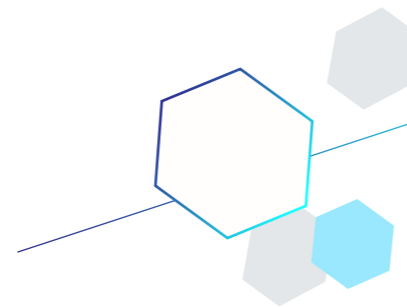
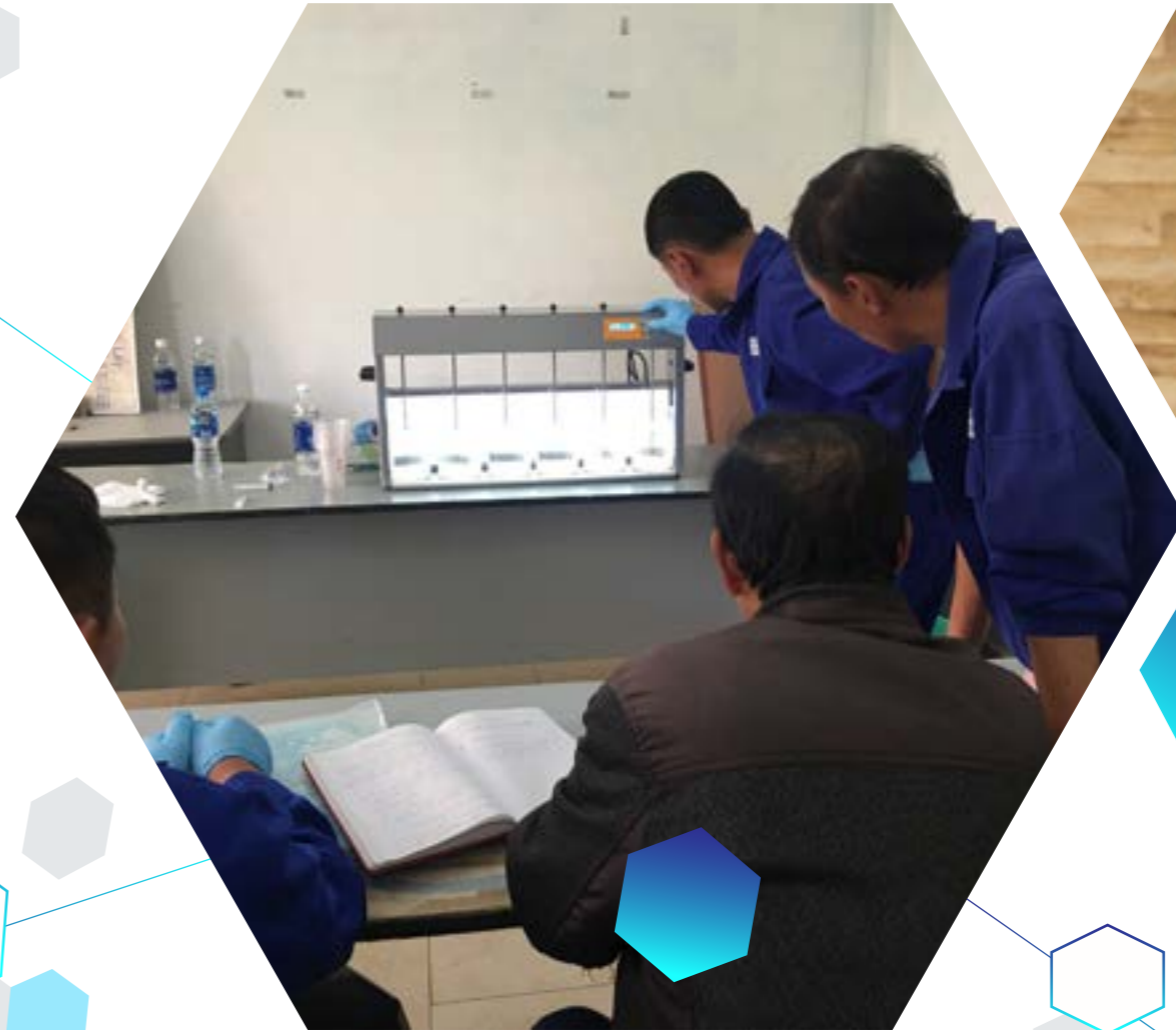
Tỉnh Lâm Đồng đã và đang cố gắng xây dựng các công trình nước sạch nhằm đảm bảo nước được cung cấp đáp ứng đủ nhu cầu của người dân đặc biệt là trong những mùa hạn hán kéo dài và góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống của cư dân đang cư trú tại địa bàn tỉnh. Trước bối cảnh triển vọng phát triển ngành và sự quan tâm của các cơ quan ban ngành, lãnh đạo tỉnh Lâm Đồng, Ban Điều hành đề xuất kế hoạch kinh doanh của công ty trong năm 2021 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2020	NĂM 2021	
				KẾ HOẠCH 2021	Tỷ lệ % 2021/2020
<b>A</b>	<b>Sản xuất công nghiệp</b>				
1	Nước sản xuất	1000m <sup>3</sup>	23.847	23.730	99,5
2	Nước Ghi thu	1000m <sup>3</sup>	18.201	18.747	103,0
3	Tỷ lệ thất thoát	%	23,68	21	-2,68
4	Tỷ lệ tồn thu	%	<1	<=1	
5	Giá bán bình quân	VNĐ/m <sup>3</sup>	12.113	12.113	100,0
6	Phát triển khách hàng mới	Hộ	3.336	3.965	118,9
7	Kiểm định TLK	Hộ	17.035	16.092	
<b>B</b>	<b>Doanh thu</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>298.062</b>	<b>300.481</b>	<b>100,8</b>
1	Doanh thu SXCN	Tr.đồng	251.221	258.758	103,0
1,1	Kinh doanh nước sạch	Tr.đồng	220.469	227.083	103,0
1,2	Doanh thu Ống nhánh, XD CB	Tr.đồng	13.717	14.129	103,0
1,3	Xử lý nước thải	Tr.đồng	16.325	16.815	103,0
1,4	Doanh thu khác	Tr.đồng	710	731	103,0
2	Doanh thu hoạt động tài chính	Tr.đồng	43.234	40.127	92,81
3	Doanh thu hoạt động khác	Tr.đồng	3.607	1.597	44,3
<b>C</b>	<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>49.543</b>	<b>52.341</b>	<b>105,65</b>
1	Lợi nhuận hoạt động SXCN	Tr.đồng	8.182	11.914	145,6
2	Lợi nhuận hoạt động tài chính	Tr.đồng	43.234	40.127	92,81
3	Lợi nhuận hoạt động khác	Tr.đồng	(1.873)	300	(16,02)
<b>D</b>	<b>Tổng quỹ lao động tiền lương</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>50.391</b>	<b>51.552</b>	<b>102,0</b>
1	Tổng quỹ lương CB-CNV	Tr.đồng	48.602	49.574	102,0
2	Tổng quỹ lương Ban Điều hành	Tr.đồng	1.789	1.978	102,0

## KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

### Biện pháp triển khai thực hiện

- Từng bước cải tiến phương pháp làm việc, xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho từng cán bộ, công chức, phòng, ban giải quyết công việc kịp thời, hiệu quả; có kế hoạch và tuyển dụng đội ngũ nhân sự để bổ sung kịp thời và đáp ứng nhu cầu điều kiện làm việc, phù hợp với những thay đổi trong môi trường kinh doanh ngày càng phát triển.
- Tinh gọn, đơn giản hóa quy trình cũng như rút ngắn thời gian giải quyết công việc của Công ty, thực hiện nghiêm quy định của công ty, tăng cường công tác phối hợp giữa các phòng ban để nâng cao hiệu quả công việc.
- Đẩy mạnh hoạt động marketing, tập trung cải tiến thủ tục, thiết lập dịch vụ xử lý nhanh yêu cầu của khách hàng. Hoạt động marketing rất quan trọng đối với công ty nhằm nâng cao hình ảnh thương hiệu Lawaco và từng bước tham gia mở rộng thị phần sang các khu vực lân cận, phát triển dấu nối mới vào hệ thống cấp và thoát nước của công ty, kiểm soát hệ thống đường ống để giảm và chống thất thoát nước, bảo vệ nguồn nước và hệ thống cấp nước



## BÁO CÁO TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

### Đánh giá liên quan các chỉ tiêu môi trường

Vấn đề ô nhiễm môi trường đã và đang nhận được nhiều quan tâm, là vấn đề toàn cầu mang tính cấp bách. Ngành nghề kinh doanh chính của Lawaco là khai thác, xử lý và cung cấp nước vì vậy công ty luôn chấp hành pháp luật về tài nguyên nước, thực hiện tốt các quy định về xử lý chất thải, khai thác nguồn nước hiệu quả và thường xuyên kiểm tra chất lượng nước nguồn nước thô. Công ty luôn nỗ lực và phối hợp với chính quyền địa phương để các hộ dân trên địa bàn tỉnh luôn có nguồn nước sạch để sử dụng, góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống, sức khỏe của người dân.



### Đánh giá liên quan đến người lao động

Công ty luôn thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật đối với người lao động. Công ty luôn tạo điều kiện cho CBCNV phát huy hết khả năng của mình, được học hỏi để nâng cao kiến thức chuyên môn, chia sẻ nguyện vọng và đóng góp ý kiến để giải quyết công việc hiệu quả hơn. Ngoài ra công ty luôn duy trì chính sách khen thưởng, phúc lợi đều đặn nhằm giữ chân và thu hút người tài, tổ chức thăm hỏi và tặng quà hỗ trợ CBCNV vào những dịp lễ, Tết nhằm chung tay góp sức cải thiện đời sống CBCNV và tạo tính đoàn kết giữa lãnh đạo và người lao động.

BCH Công đoàn cơ sở của công ty luôn quan tâm, giúp đỡ CBCNV để cùng nhau san sẻ khó khăn của người lao động. BCH Công đoàn CS đã hỗ trợ tết cho 21 gia đình đặc khó khăn trong Công ty với tổng số tiền 50,5 triệu đồng. Trong dịp tết nguyên đán Canh Tý, CĐCS đến thăm và tặng quà công nhân trực trạm tại các nhà máy thuộc Công ty, tổng số tiền 16 triệu đồng, tặng quà cho Cán bộ, NLD về hưu tổng số tiền 164,15 triệu đồng. Khi dịch bệnh covid-19 bùng phát, BCHCĐCS Công ty đã chủ động phòng ngừa bằng việc trang bị nước khử khuẩn, khẩu trang, găng tay cho tất cả đơn vị trực thuộc và cho NLD có công việc tiếp xúc trực tiếp với khách hàng, hỗ trợ 13 gia đình khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19 số tiền 26 triệu đồng. Xét hỗ trợ 01 đoàn viên có hoàn cảnh khó khăn 01 chiếc xe máy cũ trị giá 4 triệu đồng.

### Đánh giá liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Ngoài mục tiêu lợi nhuận, công ty còn xác định trách nhiệm đối với xã hội là mục tiêu phát triển trong chiến lược kinh doanh lâu dài của công ty. Trong những năm qua, công ty tham gia các hoạt động từ thiện hướng về cộng đồng nhằm chung tay góp phần phát triển một cuộc sống tốt hơn của người dân như thăm và tặng quà cho các Mẹ Việt Nam Anh Hùng, ủng hộ đồng bào bị thiên tai lũ lụt, ủng hộ chiến sĩ vùng biển đảo.





## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ **04**

---

- Về các mặt hoạt động của Công ty
- Về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

## VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2020, Công ty thực hiện hoạt động kinh doanh trong bối cảnh nền kinh tế thế giới cũng như Việt Nam gặp nhiều khó khăn thách thức đến từ sự bùng phát của dịch Covid-19. Tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm qua, doanh thu thuần của công ty chỉ hoàn thành 96,34% kế hoạch, mặc dù doanh thu từ hoạt động kinh doanh chính gần chạm đích thì tổng doanh thu đã vượt 4,35% kế hoạch. Với sự phối hợp chặt chẽ của các phòng ban, tinh thần làm việc của toàn thể CBCNV, 2 chỉ tiêu lợi nhuận trước và sau thuế hoàn thành kế hoạch theo Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông 2020.

Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2020	TH 2020	% TH 2020/ KH 2020
Doanh thu thuần	Triệu đồng	260.762	251.221	96,34%
Tổng doanh thu	Triệu đồng	285.637	298.061	104,35%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	27.296	49.543	181,50%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	21.837	38.650	176,99%
Sản lượng nước sản xuất và mua ngoài	m <sup>3</sup>	23.076.000	23.846.757	103,34%
Sản lượng nước tiêu thụ	m <sup>3</sup>	18.292.000	18.200.801	99,50%
Tỷ lệ thất thoát nước	%	21	23,68	114,20%

## VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

HDQT đã thành lập Ban giám sát chuyên đề thực hiện việc đánh giá, giám sát việc đầu tư các công trình xây dựng cơ bản của Công ty; qua đánh giá HDQT đã có nghị quyết điều chỉnh kịp thời một số công trình chưa làm đúng các thủ tục đầu tư. HDQT thường xuyên giám sát Ban Tổng Giám đốc trong việc tuân thủ và thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định pháp luật hiện hành; giám sát việc báo cáo, công bố thông tin theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Trong năm 2020, mặc dù tình hình kinh doanh không mấy khả quan nhưng Ban Tổng Giám đốc đã nỗ lực trong công tác lãnh đạo, báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh định kỳ hàng quý và 6 tháng để kịp thời triển khai thực hiện các giải pháp tích cực phù hợp với tình hình thực tế và Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông nhằm đem lại lợi ích cho cổ đông và góp phần giải quyết nhu cầu nước sạch của người dân trên địa bàn quản lý.

## KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chỉ số sản xuất công nghiệp năm 2020 tăng 3,36% so với 2019 trong đó mảng cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 5,51%. Trước bối cảnh nền kinh tế suy yếu, gián đoạn hoạt động sản xuất do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn ra, tuy nhiên với đặc điểm là ngành nghề thiết yếu, mảng cấp thoát nước vẫn có sự tăng trưởng. Với tốc độ đô thị hóa ngày càng tăng kéo theo nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt, sản xuất tăng theo và Việt Nam đề ra mục tiêu đến năm 2025, tỷ lệ tiếp cận nước sạch cung cấp cho khu đô thị là 120 lít/người/ngày. Cho đến nay, trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đã và đang cố gắng cải thiện, nâng cấp và mở rộng hệ thống cấp nước để đảm bảo cung cấp đủ đáp ứng nhu cầu của người dân. Vì vậy, Hội đồng quản trị Công ty xác định nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2021, đó là:

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2020	KH 2021	% KH 2021/ TH 2020
Doanh thu thuần	Triệu đồng	251.221	258.758	103%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	49.543	52.341	105,65%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	38.650		
Sản lượng nước sản xuất và mua ngoài	m <sup>3</sup>	23.846.757	23.730.000	99,51%
Sản lượng nước tiêu thụ	m <sup>3</sup>	18.200.801	18.747.0000	103%
Tỷ lệ thất thoát nước	%	23,68%	21%	88,7%
Quỹ lương	Triệu đồng	50.541	51.552	102,3%





## **BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY**

---

**05**

- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích



## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu và đại diện	Tỷ lệ sở hữu
1	Phan Đình Tân	Chủ tịch HĐQT	10.735.182	13,62%
2	Nguyễn Hùng Cường	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	31.512.924	39,99%
3	Trần Quốc Hùng	Thành viên HĐQT	0	0,00%
4	Dương Tiến Dũng	Thành viên HĐQT	12.502.601	15,87%

### Danh sách thay đổi thành viên trong Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ	Thay đổi
1	Võ Quốc Trang	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm 08/09/2020

### Lý lịch thành viên Hội đồng quản trị

#### Ông Phan Đình Tân Chủ tịch HĐQT

- Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh tế
- Quá trình công tác
  - 1972 - 1975: Cán bộ Đội công tác thị trấn Bồng Sơn, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.
  - 1975 - 1976: Ủy viên thư ký UBND thị trấn Bồng Sơn, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.
  - 1976 - 1979: Học viên Trường Quản lý Kinh tế tỉnh Nghĩa Bình.
  - 1980 - 1990: Cán bộ Công ty Liên hiệp Thủy sản tỉnh Nghĩa Bình.
  - 1990 - 2003: Phó Giám đốc Công ty TNHH Hoàn Cầu.
  - 2003 - nay: Tổng Giám đốc Công ty TNHH Hoàn Cầu.
  - 2001 - 2002: Thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Nam Á.
  - 2003: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Nam Á.
  - 2004 - 2013: Thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Nam Á.
  - 2014: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Nam Á.
  - 2015: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Nam Á.
  - 2015 - nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre.
  - 2018 - nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.
- Số lượng cổ phần sở hữu:
  - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ).
  - Đại diện sở hữu: đại diện Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Mesa: 10.735.182 cổ phiếu (chiếm 13,62% vốn điều lệ).

#### Ông Trần Quốc Hùng

##### Thành viên HĐQT

- Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác
  - 1991 - 2000: Nhân viên Khách sạn Dalat Palace & Du Parc Dalat thuộc Công ty Cổ phần Hoàng Gia Đà Lạt.
  - 2000 - 04/2013: Phụ trách kinh doanh Sân Golf Long Thành, Đồng Nai.
  - 05/2013: Giám đốc điều hành Sân Golf Đà Lạt, đơn vị trực thuộc Công ty Cổ phần Hoàng Gia Đà Lạt.
  - 01/2016 - nay: Phó Tổng Giám đốc thường trực kiêm Giám đốc điều hành Sân Golf Công ty Cổ phần Hoàng Gia Đà Lạt.
  - 06/2018 - nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.
- Số lượng cổ phần sở hữu:
  - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ).
  - Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ).

#### Ông Dương Tiến Dũng

##### Thành viên HĐQT

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân ngành sinh vật
- Quá trình công tác
  - 1978 - 2014: Giảng viên, Trưởng bộ môn sinh thái khoa sinh học Đại học Khoa học Tự nhiên thuộc Đại học Quốc gia TP.HCM.
  - 2014 - nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Định; Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Thủy Anh.
  - 2017 - nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre.
  - 06/2018 - nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.
- Số lượng cổ phần sở hữu:
  - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ).
  - Đại diện sở hữu: đại diện Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Thủy Anh: 12.502.601 cổ phiếu (chiếm 15,87% vốn điều lệ).

### Ông Nguyễn Hùng Cường - Thành viên HĐQT: Xem tại lý lịch Ban điều hành



## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

### Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự
1	Phan Đình Tân	Chủ tịch HĐQT	08/08	100%	
2	Nguyễn Hùng Cường	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	08/08	100%	
3	Trần Quốc Hùng	Thành viên HĐQT	08/08	100%	
4	Dương Tiến Dũng	Thành viên HĐQT	08/08	100%	
5	Võ Quốc Trang	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	06/08	75%	Miễn nhiệm ngày 9/8/2020

Hội đồng quản trị của công ty hoạt động theo Điều lệ Công ty. Trong năm 2020, HĐQT có 8 cuộc họp và đã ban hành 07 Nghị quyết và 09 Quyết định để định hướng và quyết định một số vấn đề, cụ thể như sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/2020/NQ-HĐQT	06/03/2020	<p>Thông nhất với kế hoạch thực hiện do Tổng Giám đốc trình với các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Điều chỉnh ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự Đại hội: 03/04/2020.</li> <li>Điều chỉnh ngày tổ chức Đại hội: 24/04/2020 (thứ Sáu từ 14h00).</li> <li>Thành phần triệu tập là cổ đông hoặc đại diện cổ đông có số lượng cổ phần có quyền biểu quyết là <math>\geq 100.000</math> cổ phần, những cổ đông khác có thể thực hiện quyền biểu quyết theo phần 2 hoặc 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13.</li> <li>Có thể tổ chức biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến (theo Điều 140 Luật Doanh nghiệp).</li> <li>Địa điểm tổ chức: Văn phòng Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng, 50 Hùng Vương, Phường 9, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.</li> <li>Thông nhất trình 03 báo cáo và 07 tờ trình lên ĐHĐCĐ xem xét quyết định.</li> <li>Chấp nhận đơn từ nhiệm của Bà Nguyễn Hải Tâm, giao cho Thư ký lập các thủ tục bãi nhiệm và thủ tục bầu bổ sung theo quy định.</li> </ul>

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
2	02/2020/NQ-HĐQT	16/04/2020	<p>Thông nhất dời Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 (Đại hội) dự kiến tổ chức vào ngày 24/04/2020 nhằm tránh dịch bệnh Covid-19 để bảo đảm sức khỏe cho cổ đông và an toàn cho xã hội, tuy nhiên thời gian tổ chức Đại hội phải thực hiện sớm nhất có thể khi Chính phủ hủy bỏ yêu cầu cách ly.</p>
3	03/2020/NQ-HĐQT	02/05/2020	<p>1. Thời điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 (Đại hội):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Ngày đăng ký cuối cùng: 28/05/2020.</li> <li>Ngày dự kiến Đại hội: 09/06/2020.</li> <li>Bổ sung vào Kế hoạch Đại hội biện pháp an toàn cho cổ đông tham dự Đại hội.</li> </ul> <p>2. Thống nhất việc tái ký HĐLĐ với Ông Nguyễn Phi Hoàng và tuyển dụng làm Thư ký công ty chuyên trách, loại hợp đồng có thời hạn, thời gian HĐLĐ là 01 năm (từ 02/05/2020 đến 30/04/2021).</p> <p>3. Thống nhất việc điều chỉnh thù lao cho HĐQT, BKS cho năm 2020 là tăng 200% và tiền lương cho Trưởng BKS là tăng 20% so với năm 2019.</p>
4	04/2020/NQ-HĐQT	10/06/2020	<p>1. Khắc phục các vấn đề tồn tại liên quan đến ý kiến ngoại trừ của Kiểm toán độc lập.</p> <p>2. Xây dựng phương án sử dụng đối với khoản tiền thu được từ việc bán cổ phần.</p> <p>3. Xây dựng giải pháp cụ thể nhằm khắc phục các chỉ tiêu không đạt trong năm 2019.</p> <p>4. Đánh giá các nguy cơ sự cố trong quá trình vận hành Nhà máy Đan Kia Suối Vàng và đường ống Chuyển tải D600.</p> <p>5. Người đại diện phần vốn Báo cáo giải thích rõ sự cần thiết phải điều chỉnh thù lao HĐQT và Ban kiểm soát công ty.</p> <p>6. Phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT.</p> <p>7. HĐQT ký hợp đồng lao động với những người do HĐQT bổ nhiệm.</p> <p>8. Lập lộ trình thực hiện việc điều chỉnh, xây dựng bổ sung các quy phạm nội bộ đã ban hành.</p> <p>9. Xây dựng chức năng nhiệm vụ của Thư ký công ty.</p> <p>10. HĐQT Giám sát việc triển khai dự án đầu tư Nhà máy Phát Chi.</p> <p>11. Thống nhất kết quả áp dụng mô hình Phân khu tại Đà Lạt; BDH tiếp tục theo dõi đánh giá toàn diện, chi tiết.</p> <p>12. Cập nhật nội dung: “quyền tiếp cận thông tin của thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và TK”.</p> <p>13. Thống nhất với nội dung báo cáo về kết quả công tác sản xuất kinh doanh quý I và II năm 2020.</p> <p>14. Bổ nhiệm chính thức ông Bùi Hoàng Trường Vĩ, chức danh Kế toán trưởng công ty.</p>

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

### Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
5	05/2020/NQ-HĐQT	08/09/2020	<p>1. Tổng giám đốc chỉ đạo xây dựng giải pháp và triển khai giải quyết dứt điểm khoản Ngân sách nhà nước cấp cho hoạt động của Ban Quản lý dự án thu gom và xử lý nước thải Đà Lạt.</p> <p>2. Ban điều hành xây dựng phương án sử dụng khoản thu phát hành thêm cổ phiếu thật chi tiết, cụ thể, khả thi và cần có sự so sánh giữa các phương án.</p> <p>3. Tổng Giám đốc triển khai xây dựng kế hoạch chi tiết, giải pháp cụ thể cho công tác phòng, chống thất thoát nước.</p> <p>4. Tổng Giám đốc báo cáo cho Hội đồng quản trị thực trạng hiện nay của Dự án Xây dựng nhà máy nước Phát Chi trước ngày 20/9/2020; triển khai việc lập lại thủ tục Dự án Xây dựng nhà máy nước Phát Chi theo đúng quy định; những vấn đề gì xử lý được phải gấp rút xử lý.</p> <p>5. Báo cáo thực trạng hiện nay về trữ lượng nguồn nước của hồ Phát Chi, dự báo các rủi ro có thể xảy ra trong quá trình khai thác sau này.</p> <p>6. Tổng Giám đốc chỉ đạo đàm phán với Công ty Cổ phần Cấp nước Tuyên Lâm về các điều kiện cung cấp, sản lượng, giá cả đồng thời báo cáo cho Hội đồng quản trị số liệu sơ bộ so sánh hiệu quả việc mua nước của Công ty Cổ phần Cấp nước Tuyên Lâm với việc đầu tư xây dựng nhà máy Đan Kia 1 trước ngày 31/10/2020.</p> <p>7. Triển khai việc đánh giá hiện trạng, thuyết minh cụ thể chi tiết nhà máy Đan Kia 1 và đường ống chuyển tải D600 từ Nhà máy nước Đan Kia 1 về bể chứa Tùng Lâm để Hội đồng quản trị xem xét quyết định; thời hạn báo cáo trong tháng 10/2020.</p> <p>8. Giao Thư ký công ty thực hiện các thủ tục để tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường vào quý 4/2020.</p> <p>9. Cho thôi việc và miễn nhiệm các chức vụ và quyền đại diện sau đây đối với Ông Võ Quốc Trang:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.</li> <li>Tổng Giám đốc Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.</li> <li>Người đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng tại Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Đức Trọng và Công ty cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Di Linh.</li> </ul> <p>• Thời gian miễn nhiệm: từ ngày 08/09/2020.</p> <p>10. Bổ nhiệm chức vụ và cử giữ các quyền sau đây đối với ông Nguyễn Hùng Cường.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng;</li> <li>Người đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng tại Công ty cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Đức Trọng và Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Di Linh.</li> </ul> <p>• Thời gian bổ nhiệm: từ ngày 08/09/2020.</p>

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
6	06/2020/NQ-HĐQT	22/10/2020	<p>Đồng ý giải quyết theo đơn yêu cầu xin từ nhiệm chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng (“HĐQT”) của Ông Võ Quốc Trang.</p> <p>Thời điểm chấm dứt tư cách thành viên HĐQT của Ông Võ Quốc Trang là ngày 22/10/2020, ông được hưởng thù lao HĐQT đến hết tháng 10/2020.</p> <p>1. Đồng ý cho thực hiện Dự án đầu tư hệ thống cấp nước (“HTCN”) phân phát sinh tại khu Quy hoạch Phạm Hồng Thái, thành phố Đà Lạt, Tổng Giám đốc (“TGD”) triển khai cho ứng từ vốn Đầu tư Xây dựng cơ bản năm 2021 và lập thủ tục bổ sung nguồn vốn Đầu tư Xây dựng cơ bản cho năm 2021.</p> <p>2. TGD triển khai việc lập Kế hoạch sản xuất kinh doanh (“SXKD”) năm 2021 xong trước ngày 15/01/2021 và thực hiện Tổng kết hoạt động SXKD năm 2020 của Công ty vào tháng 02/2021.</p> <p>3. Đồng ý việc tạm hoãn đầu tư các hạng mục lớn như lắp đặt đường ống Chuyển tải D600, nâng cấp nhà máy Đan Kia 1 cho đến khi công suất cấp nước cho khu vực thành phố Đà Lạt gần mức an toàn cấp nước; toàn bộ số tiền hiện có tiếp tục gửi Ngân hàng có lãi suất cao, trong trường hợp lãi suất tiền gửi biến động làm mất khả năng sinh lợi do chênh lệch giữa lãi suất tiền gửi ngân hàng và lãi vay World Bank thì TGD trình phương án xử lý để tránh rủi ro cho hoạt động tài chính của Công ty.</p> <p>4. Giao TGD tiếp tục thương lượng việc mua nước thành phẩm của Công ty CP Cấp nước Tuyên Lâm để cấp cho Xã Trạm Hành và xã Xuân Trường để bù lại khối lượng dự kiến sản xuất của nhà máy nước Phát Chi.</p> <p>5. Cho thử nghiệm một số giải pháp chống thất thoát nước ở khu vực An Sơn, Đà Lạt để làm cơ sở hoàn thiện Phương án phòng, chống thất thoát nước trong toàn công ty.</p> <p>6. Tạm dừng việc triển khai Dự án xây dựng nhà máy Phát Chi và thanh toán khối lượng đã thực hiện cho nhà thầu; và thực hiện việc sang đổi hệ thống để chuyển hệ 1 (D150 thép) thành ống Chuyển tải, hệ 2 (D125 PVC) thành ống phân phối; chi phí sang đổi hệ thống khoảng 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) trích từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển của Công ty năm 2020.</p> <p>7. Cho chi trả khoản tiền lãi phát sinh từ tài khoản phong tỏa (để cổ phần hóa ở thời điểm 6/2018) cho cổ đông, số tiền là 817.000.000 đồng (tám trăm mười bảy triệu đồng).</p> <p>8. Đồng ý cho cản trừ khoản phát sinh cổ tức năm 2018 do chênh lệch số lẻ khi phân phối cổ tức với giá trị là 40.060.207 đồng (Bốn mươi triệu, không trăm sáu mươi ngàn, hai trăm lẻ bảy đồng) vào cổ tức năm 2019 trước khi phân phối. Thư ký theo dõi cập nhật trình Đại hội đồng cổ đông năm 2021.</p> <p>9. Đồng ý cho phân phối tiền thưởng từ Quỹ Khen thưởng năm 2019 trong tháng 11/2020.</p> <p>10. TGD căn cứ nhu cầu nhân lực của Công ty, thực hiện tuyển dụng nhân sự bổ sung, việc tuyển dụng phải đảm bảo quy trình và không làm ảnh hưởng đến thu nhập của người lao động trong Công ty.</p> <p>11. Cho áp dụng chính sách khen thưởng đối với người có công báo sớm nhất việc bề, vỡ HTCN của Công ty hoặc cung cấp thông tin chính xác về các hành vi sử dụng nước trái phép; hành vi xâm hại đối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải... TGD cho xây dựng quy định quản lý công khai, minh bạch, rõ ràng đúng luật đối với Quỹ khen thưởng này.</p>
7	07/2020/NQ-HĐQT	17/11/2020	

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

### Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
8	01/2020/QĐ-HĐQT	02/05/2020	Bổ nhiệm Thư ký công ty
9	02/2020/QĐ-HĐQT	15/07/2020	Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị.
10	03/2020/QĐ-HĐQT	21/07/2020	Thành lập Ban Giám sát chuyên đề.
11	04/2020/QĐ-HĐQT	23/07/2020	Ban hành quy trình giám sát chuyên đề.
12	05/2020/QĐ-HĐQT	23/07/2020	Phê duyệt Kế hoạch giám sát chuyên đề.
13	06/2020/QĐ-HĐQT	08/09/2020	Cho thôi việc và miễn nhiệm cán bộ đối với Ông Võ Quốc Trang.
14	07/2020/QĐ-HĐQT	08/09/2020	Bổ nhiệm TGD đối với ông Nguyễn Hùng Cường.
15	08/2020/QĐ-HĐQT	26/10/2020	Phân công nhiệm vụ thành viên HĐQT.
16	09/2020/QĐ-HĐQT	26/10/2020	Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ của Thư ký công ty.

### Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập, không điều hành

Trong năm qua, các thành viên Hội đồng quản trị độc lập, không điều hành đã tích cực đóng góp, đề xuất đưa ra ý kiến góp phần định hướng công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

### Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có



## BAN KIỂM SOÁT

### Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu và đại diện	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Thị Mỹ Vân	Trưởng ban kiểm soát	1.200	0,00%
2	Trần Văn Thuận	Kiểm soát viên	0	0,00%
3	Trần Thị Thủy	Kiểm soát viên	0	0,00%

### Danh sách thay đổi thành viên trong Ban Kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Thay đổi
1	Trần Thị Thủy	Kiểm soát viên	Bổ nhiệm ngày 09/06/2020
2	Nguyễn Hải Tâm	Kiểm soát viên	Miễn nhiệm ngày 09/06/2020

### Lý lịch Ban Kiểm soát

#### Bà Nguyễn Thị Mỹ Vân Trưởng Ban Kiểm soát

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán, Thạc sỹ ngân hàng
- Quá trình công tác
  - ▶ 2004 - 06/2017: Kế toán Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng.
  - ▶ 07/2017 - 06/2018: Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng.
  - ▶ 06/2018 - nay: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.
- Số lượng cổ phần sở hữu:
  - ▶ Sở hữu cá nhân: 1.200 cổ phiếu (chiếm 0,002% vốn điều lệ).
  - ▶ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ).

#### Ông Trần Văn Thuận Kiểm soát viên

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán Doanh nghiệp
- Quá trình công tác
  - ▶ 11/2009 - 10/2011: Kế toán tổng hợp tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Constrexim Số 16.
  - ▶ 11/2011 - 07/2014: Chuyên viên Kiểm soát nội bộ Công ty Cổ phần Tập đoàn Quang Minh.
  - ▶ 08/2014 - nay: Chuyên viên Kiểm soát Tài chính Công ty Cổ phần Quản lý đầu tư Quốc tế.
  - ▶ 06/2019 - nay: Kiểm soát viên Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.
- Số lượng cổ phần sở hữu:
  - ▶ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ).
  - ▶ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ).

## BAN KIỂM SOÁT (TIẾP THEO)

### Lý lịch Ban Kiểm soát

#### Bà Trần Thị Thủy Kiểm soát viên

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán; Cử nhân Anh Văn
- Quá trình công tác
  - 1998 - 2007: Chuyên viên Công ty 508 - Tổng Công ty Xây dựng công trình Giao thông 5.
  - 2008 - 2017: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy.
  - 2018 - cuối 2019: Phó phòng Kiểm soát nội bộ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Hoàng Gia Việt Nam.
  - Cuối 2019 - nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Vietnamsolar.
- Số lượng cổ phần sở hữu:
  - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ).
  - Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ).

### Các cuộc họp của Ban Kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự
1	Nguyễn Thị Mỹ Vân	Trưởng ban kiểm soát	06/06	100%	
2	Trần Văn Thuận	Kiểm soát viên	06/06	100%	
3	Trần Thị Thủy	Kiểm soát viên	03/06	50%	Bổ nhiệm ngày 09/06/2020
4	Nguyễn Hải Tâm	Kiểm soát viên	03/06	50%	Miễn nhiệm ngày 09/06/2020

### Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông

Trong năm 2020, Ban Kiểm soát đã thực hiện tốt công tác giám sát đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc. Các hoạt động giám sát mà Ban Kiểm soát đã triển khai thực hiện như:

- Kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ và các Nghị quyết của HĐQT.
- Giám sát sự tuân thủ Điều lệ, các Quy chế và các quy định pháp luật hiện hành trong quá trình quản lý, điều hành và hoạt động của Lawaco.
- Thẩm định Báo cáo tài chính quý, bán niên, năm và đánh giá tình hình hoạt động của doanh nghiệp để đề xuất, kiến nghị với công ty trong công tác tài chính, kế toán, quản trị doanh nghiệp.
- Ban Kiểm soát xem xét việc ký kết hợp đồng kinh tế, việc triển khai các dự án đầu tư theo kế hoạch 2020 đã được HĐQT thông qua.
- Kiểm soát quản lý thu, chi, và các hoạt động thường xuyên của Lawaco; cũng như đánh giá việc thực hiện phân phối tiền lương, các chế độ khác liên quan đến người lao động.

### Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác

- Trong năm 2020, Ban Kiểm soát luôn phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban điều hành trong việc tuân thủ quy định pháp luật, điều lệ, quy định công bố thông tin, quy định nội bộ về các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Phối hợp với Ban điều hành rà soát một số quy định cải tạo, sửa chữa nâng cấp dịch vụ khách hàng theo Nghị định 117/2007/NĐ-CP.
- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban Kiểm soát đã thực hiện đúng chức năng của mình và không làm ảnh hưởng đến hoạt động của công ty cũng như hoạt động của HĐQT và Ban điều hành.
- HĐQT đã kết hợp với Ban Kiểm soát kiểm tra, nắm bắt tình hình kinh doanh của công ty để nắm bắt kịp thời các vấn đề đang diễn ra nhằm đóng ý kiến với Ban điều hành, đưa ra các biện pháp ứng phó kịp thời nhằm hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh đã đề ra.

## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Lương (đồng)	Thưởng (đồng)
<b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>				
1	Phan Đình Tân	Chủ tịch HĐQT	120.000.000	76.670.318
2	Nguyễn Hùng Cường	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	72.000.000	36.000.000
3	Trần Quốc Hùng	Thành viên HĐQT	72.000.000	44.661.045
4	Dương Tiến Dũng	Thành viên HĐQT	72.000.000	44.661.045
<b>BAN KIỂM SOÁT</b>				
1	Nguyễn Thị Mỹ Vân	Trưởng Ban	300.000.000	46.161.045
2	Trần Văn Thuận	Kiểm soát viên	48.000.000	30.571.669
3	Trần Thị Thủy	Kiểm soát viên	24.000.000	3.785.834
<b>BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>				
1	Nguyễn Hùng Cường	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	583.318.591	26.459.631
2	Nguyễn Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc	583.318.591	28.972.113
3	Bùi Hoàng Trường Vĩ	Quyền Kế toán trưởng	578.626.403	25.972.113

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

STT	Nội dung	Mối quan hệ liên quan với công ty	Năm 2020 (VNĐ)	Năm 2019 (VNĐ)
<b>Cổ tức được chia</b>				
1	Công ty Cổ phần Cấp nước và Xây dựng Di Linh	Công ty liên kết	-	209.886.265
2	Công ty Cổ phần Cấp nước và Xây dựng Đức Trọng	Công ty liên kết	-	289.983.375

### Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

HĐQT sẽ từng bước xây dựng và hoàn thiện các Quy trình, quy chế quản trị theo hướng chuyên trách nhằm tăng cường công tác quản trị tại Công ty, nâng cao vai trò từng thành viên HĐQT để kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động nhằm tối đa lợi ích của cổ đông.

Công ty không ngừng áp dụng các biện pháp cải tiến và hoàn thiện công tác tổ chức, bố trí nhân sự phù hợp, tập trung sắp xếp củng cố bộ máy quản lý đủ mạnh để thực hiện nhiệm vụ phát triển của công ty.

Ngoài ra, Công ty luôn tăng cường nâng cao kiến thức quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc thông qua việc cử các cán bộ tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty theo thông báo của UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán, và các cơ quan liên quan. Từ đó, nâng cao hiệu quả kinh doanh, nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn, giảm chi phí vốn cũng như tạo dựng lòng tin đối với cổ đông, nhà đầu tư.





## BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2020

---

06

- Ý kiến kiểm toán
- Báo cáo tài chính kiểm toán



Số: 080321.007/BCTC.KT5

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Văn phòng Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng được lập ngày 08 tháng 03 năm 2021, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Văn phòng Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Đỗ Thị Ngọc Dung**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 0659-2018-002-1

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2021

**Trần Thị Mai Hương**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 0593-2018-002-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>643.280.313.733</b>	<b>632.028.428.586</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	15.757.131.627	16.107.633.801
111	1. Tiền		15.757.131.627	12.607.633.801
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	3.500.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	561.667.893.764	537.708.346.943
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		561.667.893.764	537.708.346.943
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		53.686.711.447	65.292.338.569
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	2.253.506.069	2.418.519.212
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	4.558.960.700	1.142.454.181
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		21.094.702.832	22.506.645.008
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	26.956.663.768	40.292.651.841
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.225.084.948)	(1.067.931.673)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		47.963.026	-
140	IV. Hàng tồn kho	9	12.039.282.137	12.458.922.635
141	1. Hàng tồn kho		13.286.021.327	13.765.849.425
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.246.739.190)	(1.306.926.790)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		129.294.758	461.186.638
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		-	174.645.325
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	129.294.758	286.541.313

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>404.499.251.428</b>	<b>418.953.228.032</b>
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		728.036.580	-
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	728.036.580	-
220	II. Tài sản cố định		366.050.873.388	386.392.064.104
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	365.062.368.729	385.696.338.623
222	- Nguyên giá		729.096.647.759	720.490.331.404
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(364.034.279.030)	(334.793.992.781)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	988.504.659	695.725.481
228	- Nguyên giá		1.506.826.842	1.106.826.842
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(518.322.183)	(411.101.361)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		2.551.957.939	1.756.291.616
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	2.551.957.939	1.756.291.616
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	4	14.625.252.238	11.125.252.238
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		11.125.252.238	11.125.252.238
255	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		3.500.000.000	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		20.543.131.283	19.679.620.074
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	20.543.131.283	19.679.620.074
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.047.779.565.161</b>	<b>1.050.981.656.618</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>267.254.087.968</b>	<b>279.403.838.056</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>63.507.272.856</b>	<b>58.803.377.088</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	14.350.856.425	23.225.921.755
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	639.836.979	329.016.213
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	4.558.975.852	2.395.921.689
314	4. Phải trả người lao động		11.340.197.787	8.034.628.630
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	2.909.531.621	3.538.039.576
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn		3.649.781.967	3.045.290.736
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	1.360.453.828	1.402.880.253
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	16.831.678.236	16.831.678.236
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		7.865.960.161	-
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>203.746.815.112</b>	<b>220.600.460.968</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	513.152.274	535.119.905
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	202.433.831.925	219.265.510.150
343	3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		799.830.913	799.830.913
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>780.522.477.193</b>	<b>771.577.818.562</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20</b>	<b>780.522.193.673</b>	<b>771.574.535.042</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		694.963.333.940	694.963.333.940
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		694.963.333.940	694.963.333.940
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		28.512.122.705	28.512.122.705
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		7.066.214.231	1.769.214.231
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		38.649.998.425	34.999.339.794
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		-	26.161.542
421b	LNST chưa phân phối năm nay		38.649.998.425	34.973.178.252
422	5. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		11.330.524.372	11.330.524.372
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>3.283.520</b>	<b>3.283.520</b>
431	1. Nguồn kinh phí	21	3.283.520	3.283.520
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.047.779.565.161</b>	<b>1.050.981.656.618</b>

Người lập biểu



Trần Thị Tuyết Ngọc

Kế toán trưởng



Bùi Hoàng Trường Vũ

Lâm Đồng, ngày 08 tháng 03 năm 2021

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hùng Cường

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	209.425.313.531	211.728.316.395
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		209.425.313.531	211.728.316.395
11	3. Giá vốn hàng bán	24	158.245.688.436	161.991.006.111
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		51.179.625.095	49.737.310.284
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	25	43.229.324.146	41.053.539.555
22	6. Chi phí tài chính	26	16.171.306.181	17.449.810.026
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		16.171.306.181	17.449.810.026
25	7. Chi phí bán hàng	27	4.803.527.284	4.698.269.535
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	12.135.266.459	13.742.572.020
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		61.298.849.317	54.900.198.258
31	10. Thu nhập khác	29	3.580.896.065	1.538.484.030
32	11. Chi phí khác	30	5.466.130.110	1.864.638.394
40	12. Lợi nhuận khác		(1.885.234.045)	(326.154.364)
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		59.413.615.272	54.574.043.894
51	14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	10.892.848.060	9.102.029.300
60	15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<b>48.520.767.212</b>	<b>45.472.014.594</b>

Người lập biểu



Trần Thị Tuyết Ngọc

Kế toán trưởng



Bùi Hoàng Trường Vũ

Lâm Đồng, ngày 08 tháng 03 năm 2021

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hùng Cường

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2020  
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		244.746.047.982	248.403.669.849
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(123.872.005.489)	(120.928.335.024)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(31.238.280.270)	(33.004.278.207)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(16.351.227.322)	(17.487.985.604)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(9.088.801.101)	(10.613.873.850)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		379.180.924	469.766.926
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(38.254.178.040)	(42.285.575.207)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>26.320.736.684</b>	<b>24.553.388.883</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(12.819.391.986)	(18.410.973.056)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		3.023.672.964	272.727.273
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(301.828.616.438)	(535.447.027.499)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		295.171.397.285	513.463.611.111
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		25.653.570.419	30.077.227.191
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>9.200.632.244</b>	<b>(10.044.434.980)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
34	1. Tiền trả nợ gốc vay		(16.831.678.226)	(16.831.678.234)
36	2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(19.040.192.876)	(6.461.600.000)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(35.871.871.102)</b>	<b>(23.293.278.234)</b>

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2020  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
(Tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(350.502.174)	(8.784.324.331)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		16.107.633.801	24.891.958.132
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<b>15.757.131.627</b>	<b>16.107.633.801</b>

Người lập biểu



Trần Thị Tuyết Ngọc

Kế toán trưởng



Bùi Hoàng Trường Vỹ



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng tiền thân là Công ty TNHH MTV (100% vốn nhà nước) được thành lập theo Quyết định số 2873/QĐ-UBND ngày 18/10/2005 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc chuyển đổi Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Cấp nước Lâm Đồng thành Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng.

Công ty đã thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 23/04/2015 của UBND Tỉnh phê duyệt lộ trình sắp xếp doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc UBND Tỉnh Lâm Đồng và Quyết định số 2660/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 của UBND tỉnh Lâm Đồng phê duyệt cơ cấu vốn khi chuyển sang doanh nghiệp cổ phần. Công ty đã thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 30/06/2016, giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa được phê duyệt tại quyết định 534/QĐ-UBND ngày 20/03/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Công ty chính thức chuyển sang Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5800000174 ngày 22/06/2018 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 17/09/2020 do Sứ kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp với Vốn điều lệ là 788.000.000.000 đồng (Bảy trăm tám mươi tám tỷ đồng chẵn).

Tổng số nhân viên của Văn phòng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 276 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là: 284 người).

**Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất và cung cấp nước sinh hoạt, xây dựng và lắp đặt hệ thống cấp nước và thoát nước.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm là:

- Sản xuất và cung cấp nước sinh hoạt phục vụ đô thị và công nghiệp;
- Tư vấn thiết kế công trình xây dựng dân dụng, công trình cấp thoát nước, giám sát thi công công trình xây dựng. Giám sát công trình dân dụng, công nghiệp, cấp thoát nước, thủy lợi. Lập dự án đầu tư xây dựng công trình, thẩm tra dự án đầu tư, đánh giá tác động môi trường. Thiết kế dự toán xây dựng công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, cấp thoát nước, thủy lợi;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Thi công xây dựng công trình: Cấp thoát nước, công nghiệp, dân dụng, thủy lợi, khu du lịch, khu nghỉ dưỡng, vườn sinh thái; Sản xuất và kinh doanh dịch vụ, vật tư ngành nước; Hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch tham quan, nghỉ dưỡng; Quy hoạch xây dựng hệ thống cấp thoát nước; Tư vấn lập quy hoạch, xây dựng hệ thống cấp thoát nước, tư vấn lập hồ sơ mời thầu, xét thầu, tư vấn quản lý dự án; Khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn, môi trường.

Thông tin về các công ty liên kết của Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 04.

### 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

#### 2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

##### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

##### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

#### 2.3. Công cụ tài chính

##### Ghi nhận ban đầu

###### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

###### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

##### Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### 2.4. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

#### 2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## 2.6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ tới ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng;
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## 2.7. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.9. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 30 năm

- Thiết bị văn phòng	05 - 10 năm
- Các tài sản khác	04 - 25 năm
- Phần mềm quản lý	10 năm

## 2.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

## 2.11. Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

## 2.12. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần trong 03 năm.

Từ ngày 01/01/2019, Văn phòng Công ty thay đổi phương thức phân bổ giá trị tăng thêm của hệ thống ống nhánh theo hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp từ phân bổ theo lưu lượng nước tiêu thụ (với định mức 297 đồng/m<sup>3</sup>) sang phân bổ đều theo thời gian trong vòng 10 năm.

## 2.13. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

## 2.14. Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

## 2.15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

## 2.16. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

## 2.17. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Nguồn vốn đầu tư Xây dựng cơ bản là số vốn thực tế được Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng cấp phục vụ cho việc đầu tư xây dựng cơ bản các công trình công ích của Công ty. Khi công trình hoàn thành và nghiệm thu quyết toán, Công ty ghi tăng TSCĐ và Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ. Đây là các tài sản Công ty giữ hộ và quản lý hộ Nhà nước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## 2.18. Doanh thu

### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu kinh doanh nước sạch của Công ty được ghi nhận căn cứ vào khối lượng nước sử dụng theo chỉ số trên đồng hồ nước vào thời điểm ghi nhận chỉ số nước (thường không trùng khớp với thời điểm kết thúc năm tài chính). Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng, việc ghi nhận doanh thu theo thời điểm chốt chỉ số công tơ không làm sai lệch trọng yếu đến chỉ tiêu doanh thu ghi nhận trong năm.

### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### Doanh thu hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm phản ánh trên hóa đơn đã lập.

### Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## 2.19. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

## 2.20. Chi phí tài chính

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là: Chi phí đi vay vốn, được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## 2.21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

### a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

03  
/ 03  
TY  
/ 03  
HT  
/ 03  
SC  
/ 03  
/ 03

03  
/ 03  
TY  
/ 03  
HT  
/ 03  
SC  
/ 03  
/ 03

## b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

## 2.22. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 2.23. Thông tin bộ phận

Trong năm, phần lớn doanh thu của công ty là doanh thu từ hoạt động kinh doanh nước sạch. Đồng thời, toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty diễn ra trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Do đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

## 3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	906.949	18.520.306
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.756.224.678	12.589.113.495
Các khoản tương đương tiền	-	3.500.000.000
	<b>15.757.131.627</b>	<b>16.107.633.801</b>

## 4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

## a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	561.667.893.764	-	537.708.346.943	-
Đầu tư dài hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	3.500.000.000	-	-	-
	<b>565.167.893.764</b>	<b>-</b>	<b>537.708.346.943</b>	<b>-</b>

Theo Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐQT ngày 16/07/2018 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng thông nhất giữ lại số tiền bán cổ phần để đầu tư phát triển Công ty và giao cho Tổng Giám đốc nghiên cứu đề xuất phương án sử dụng vốn hiệu quả. Theo đó, toàn bộ số tiền thu được từ tăng vốn chủ sở hữu, Công ty đem gửi tại các ngân hàng với kỳ hạn từ 03 tháng tới 12 tháng và việc này tiếp tục được ĐHCĐ thông qua tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-ĐHCĐ ngày 20/06/2019. Tại ngày 31/12/2020, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là

tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 14 tháng có tổng giá trị 565.167.893.764 VND được gửi tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất 4,9% - 7,2%/năm.

## b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty liên kết	11.125.252.238	-	11.125.252.238	-
- Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Đức Trọng	5.466.726.034	-	5.466.726.034	-
- Công ty Cổ phần Cấp nước và Xây dựng Di Linh <sup>(1)</sup>	5.658.526.204	-	5.658.526.204	-
	<b>11.125.252.238</b>	<b>-</b>	<b>11.125.252.238</b>	<b>-</b>

<sup>(1)</sup> Năm 2020, Công ty được chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 5,5%. Theo đó, số lượng cổ phiếu Công ty đang nắm giữ tại thời điểm 31/12/2020 là 554.128 cổ phiếu (tại thời điểm 01/01/2020 là 525.500 cổ phiếu).

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2020 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước và Xây Dựng Đức Trọng	Lâm Đồng	32,10%	32,10%	Cấp thoát nước và xây dựng
Công ty Cổ phần Cấp nước và Xây dựng Di Linh	Lâm Đồng	40,00%	40,00%	Cấp thoát nước và xây dựng

## 5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Địa ốc Đà Lạt	411.889.691	(411.889.691)	411.889.691	(411.889.691)
- Các khoản phải thu khách hàng khác	1.841.616.378	(646.195.257)	2.006.629.521	(656.041.982)
	<b>2.253.506.069</b>	<b>(1.058.084.948)</b>	<b>2.418.519.212</b>	<b>(1.067.931.673)</b>

## 6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Kỹ thuật U.S	3.906.852.300	-	-	-
Công ty TNHH Ngọc Anh Anh	33.319.400	-	201.466.881	-
Công ty Cổ phần HAWACO	-	-	355.245.000	-
Công ty TNHH Xây dựng Hoàng Lâm	315.789.000	-	214.392.300	-
Đối tượng khác	303.000.000	(167.000.000)	371.350.000	-
	<b>4.558.960.700</b>	<b>(167.000.000)</b>	<b>1.142.454.181</b>	-

## 7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Phải thu về tạm ứng	46.066.213	-	107.499.548	-
Phải thu Kho bạc Nhà nước tiền đã ứng trước cho dự án Thoát nước và xử lý nước thải Đà Lạt <sup>(1)</sup>	1.587.664.778	-	6.451.802.931	-
Phải thu khác	25.322.932.777	-	33.733.349.362	-
- Phải thu lãi tiền gửi <sup>(2)</sup>	23.991.941.065	-	27.699.531.564	-
- Phải thu quỹ Khen thưởng phúc lợi chi vượt	-	-	240.324.094	-
- Phải thu về thuế TNCN	356.205.795	-	351.911.374	-
- Phải thu về Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm Y tế của người lao động	195.716.170	-	180.703.653	-
- Khoản phải thu về ứng trước chi phí BQLDA thuộc tiểu dự án Thoát nước và xử lý nước thải <sup>(3)</sup>	-	-	3.984.964.971	-
- Thù lao HĐQT <sup>(4)</sup>	530.000.000	-	-	-
- Các khoản phải thu khác	249.069.747	-	1.275.913.706	-
	<b>26.956.663.768</b>	-	<b>40.292.651.841</b>	-
<b>b) Dài hạn</b>				
Ký cược, ký quỹ	728.036.580	-	-	-
	<b>728.036.580</b>	-	-	-

<sup>(1)</sup> Khoản ứng trước để thanh toán cho gói thầu 4A - Xây dựng mạng lưới thu gom trạm bơm nâng nước thải và xây dựng mạng lưới dịch vụ đấu nối hộ gia đình thành phố Đà Lạt, thuộc Liên danh nhà thầu Công ty Cổ phần Xây dựng Bạch Đằng và Công ty Cổ phần Thủy lợi 1 Nghệ An với số tiền 1.587.664.778 VND. Trong năm, khoản tiền ứng trước này Công ty đang làm thủ tục thanh toán với Ban quản lý dự án trung ương (PPMU1) thuộc Dự án Cấp Thoát nước (MOC).

<sup>(2)</sup> Là lãi dự thu của các khoản tiền gửi ngắn hạn, thời gian tính lãi từ các thời điểm gửi tiền đến ngày 31/12/2020.

<sup>(3)</sup> Khoản ứng trước về chi phí quản lý cho Ban quản lý dự án thuộc Tiểu dự án Thoát nước và xử lý nước thải nhưng không được Kho bạc Nhà nước thanh toán với số tiền 3.984.964.971 VND. Trong năm, Công ty đã rà soát các khoản ứng trước trên và xử lý khoản tồn thất không có khả năng thu hồi với số tiền 3.688.211.187 VND vào chi phí khác (Xem thuyết minh số 31). Phần chênh lệch còn lại số tiền 296.753.784 VND được ghi nhận bổ sung vào khoản phải thu Kho bạc Nhà nước liên quan đến dự án.

<sup>(4)</sup> Khoản thù lao đã chi trả cho các thành viên HĐQT Công ty trong năm nhưng chưa được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2020 số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/06/2020. Số tiền này Công ty sẽ trình xin phê duyệt trong Đại hội Cổ đông năm 2021 sắp tới.

## 8. NỢ XẤU

Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty Cổ phần Xây lắp và Vật tư Xây dựng số 2 - TP. Hồ Chí Minh	17.637.570	-	17.637.570	-
Công ty Cổ phần Địa ốc Đà Lạt	411.889.691	-	411.889.691	-
Đối tượng khác	851.361.962	55.804.275	638.404.412	-
	<b>1.280.889.223</b>	<b>55.804.275</b>	<b>1.067.931.673</b>	-

## 9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	12.079.360.388	(720.540.690)	12.776.181.010	(753.224.668)
Công cụ, dụng cụ	1.206.660.939	(526.198.500)	989.668.415	(553.702.122)
	<b>13.286.021.327</b>	<b>(1.246.739.190)</b>	<b>13.765.849.425</b>	<b>(1.306.926.790)</b>

## 10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Chi phí lắp đặt đồng hồ nước và ống nhánh	4.363.164.547	1.936.634.932
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.740.373.528	992.340.469
- Giá trị tăng thêm khi đánh giá lại công cụ dụng cụ còn sử dụng <sup>(1)</sup>	14.235.300.860	16.134.381.567
- Lợi thế thương mại khi cổ phần hóa	204.292.348	616.263.106
	<b>20.543.131.283</b>	<b>19.679.620.074</b>

<sup>(1)</sup> Chi phí trả trước này là giá trị còn lại của mạng lưới ống nhánh cung cấp nước sạch, được đánh giá tăng theo Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Công ty thực hiện phân bổ trong vòng 10 năm (đến thời điểm 31/12/2020 Công ty đã phân bổ được 2,5 năm).



**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>												
Số dư đầu năm	162.264.307.621	35.970.900.252	483.061.382.309	38.651.192.058	542.549.164	720.490.331.404						
- Mua trong năm	-	1.105.761.178	563.128.544	224.000.000	-	1.892.889.722						
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	4.586.117.273	-	5.144.718.668	-	-	9.730.835.941						
- Thanh lý, nhượng bán	(2.928.101.194)	(305.738.636)	-	(105.087.475)	-	(3.338.927.305)						
- Điều chuyển nội bộ	(279.463.636)	600.981.633	-	-	-	321.517.997						
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>163.642.860.064</b>	<b>37.371.904.427</b>	<b>488.769.229.521</b>	<b>38.770.104.583</b>	<b>542.549.164</b>	<b>729.096.647.759</b>						
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>												
Số dư đầu năm	85.468.183.822	13.587.483.251	223.974.403.283	11.588.752.256	175.170.169	334.793.992.781						
- Khấu hao trong năm	7.797.257.154	2.588.461.073	16.671.581.880	3.817.590.547	57.030.431	30.931.921.085						
- Thanh lý, nhượng bán	(1.389.004.146)	(281.296.453)	-	(105.087.475)	-	(1.775.388.074)						
- Điều chuyển nội bộ	-	83.753.238	-	-	-	83.753.238						
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>91.876.436.830</b>	<b>15.978.401.109</b>	<b>240.645.985.163</b>	<b>15.301.255.328</b>	<b>232.200.600</b>	<b>364.034.279.030</b>						
<b>Giá trị còn lại</b>												
Tại ngày đầu năm	76.796.123.799	22.383.417.001	259.086.979.026	27.062.439.802	367.378.995	385.696.338.623						
Tại ngày cuối năm	<b>71.766.423.234</b>	<b>21.393.503.318</b>	<b>248.123.244.358</b>	<b>23.468.849.255</b>	<b>310.348.564</b>	<b>365.062.368.729</b>						

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.921.724.189 VND.

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm kế toán		Cộng	
	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	1.106.826.842		1.106.826.842	
- Mua trong năm	400.000.000		400.000.000	
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.506.826.842</b>		<b>1.506.826.842</b>	
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	411.101.361		411.101.361	
- Khấu hao trong năm	107.220.822		107.220.822	
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>518.322.183</b>		<b>518.322.183</b>	
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu năm	695.725.481		695.725.481	
Tại ngày cuối năm	<b>988.504.659</b>		<b>988.504.659</b>	

**13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2020		01/01/2020	
	VND	VND	VND	VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>				
- <i>Cải tạo hàng rào, kho, trạm bơm nhà máy nước hồ Than Thờ</i>	1.590.865.720		89.709.611	
- <i>Xây dựng hạ tầng cấp nước tại xã Trạm Hành, thành phố Đà Lạt<sup>(9)</sup></i>	504.445.513		433.400.925	
- <i>Xây dựng hệ thống bể chứa địa bàn thành phố Đà Lạt</i>	-		224.364.791	
- <i>Xây dựng hệ thống cấp nước đường Hồ Xuân Hương</i>	-		186.369.567	
- <i>Các dự án khác</i>	456.646.706		822.446.722	
	<b>2.551.957.939</b>		<b>1.756.291.616</b>	

<sup>(9)</sup> Dự án xây dựng hệ thống cấp nước xã Trạm Hành, thành phố Đà Lạt:

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng;
- Mục tiêu của dự án: Sản xuất, cung cấp nước sinh hoạt phục vụ nhân dân trên địa bàn xã Trạm Hành, thành phố Đà Lạt;
- Quy mô dự án: Công suất cấp nước 2.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm;
- Tổng mức đầu tư dự kiến: 14,94 tỷ VND;
- Nguồn vốn đầu tư: Vốn tự có của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng;
- Thời hạn hoạt động của dự án: 50 năm tính từ ngày 14/12/2005 (theo quyết định số 3604/QĐ-UBND ngày 14/12/2005 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc thu hồi và giao đất để xây dựng hồ nước Phát Chi - Trạm Hành);
- Dự án bắt đầu triển khai vào đầu quý II/2020. Dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư theo quyết định số 119/QĐ-UBND ngày 20/01/2020 của UBND tỉnh Lâm Đồng. Hiện tại, dự án đã tạm dừng thi công theo Nghị quyết số 07/2020/NQ-HĐQT ngày 17/11/2020 của Hội đồng quản trị Công ty do đánh giá về tính khả thi của dự án không được đảm bảo.

Văn phòng Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng  
Địa chỉ: Số 50 Hùng Vương - thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng

Báo cáo tài chính  
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

#### 14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÂN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
- Liên danh nhà thầu Công ty Cổ phần Xây dựng Bạch Đằng và Công ty Cổ phần Thủy lợi 1 Nghệ An	3.890.220.726	3.890.220.726	10.447.737.664	10.447.737.664
- Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Dankia	7.661.436.732	7.661.436.732	9.441.434.310	9.441.434.310
- Trung tâm Quản lý Đầu tư và Khai thác Thủy lợi tỉnh Lâm Đồng	566.806.500	566.806.500	1.016.645.400	1.016.645.400
- Phải trả cho các đối tượng khác	2.232.392.467	2.232.392.467	2.320.104.381	2.320.104.381
	<b>14.350.856.425</b>	<b>14.350.856.425</b>	<b>23.225.921.755</b>	<b>23.225.921.755</b>

#### 15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGÂN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- Trung tâm Quản lý khai thác công cộng Lạc Dương	-	-	-	225.840.735
- Phòng Kinh tế Hạ tầng huyện Lạc Dương	110.463.000	110.463.000	-	-
- Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng và Công trình Công cộng huyện Lạc Dương	98.039.500	98.039.500	-	-
- Các đối tượng khác	431.334.479	431.334.479	103.175.478	103.175.478
	<b>639.836.979</b>	<b>639.836.979</b>	<b>329.016.213</b>	<b>329.016.213</b>

Văn phòng Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng  
Địa chỉ: Số 50 Hùng Vương - thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng

Báo cáo tài chính  
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

#### 16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	-	-	6.222.745.707	6.032.957.172	-	189.788.535					
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	942.397.484	11.027.149.161	9.088.841.101	-	2.880.705.544					
Thuế thu nhập cá nhân	286.541.313	-	-	553.609.476	396.362.921	129.294.758	-					
Thuế tài nguyên	-	-	87.620.712	1.017.044.621	1.018.292.512	-	86.372.821					
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	-	-	7.050.162	7.050.162	-	-					
Các loại thuế khác	-	-	-	15.000.000	15.000.000	-	-					
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	1.365.903.493	16.953.502.103	16.917.296.644	-	1.402.108.952					
	<b>286.541.313</b>	<b>2.395.921.689</b>	<b>35.796.101.230</b>	<b>33.475.800.512</b>	<b>129.294.758</b>	<b>4.558.975.852</b>						

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

## 17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1.958.215.890	2.138.137.436
Trích trước chi phí cải tạo trạm xử lý nước Nhà máy nước Đà Têh	-	454.771.545
Trích trước chi phí hỗ trợ nhân viên thu phí bảo vệ môi trường	892.212.731	866.767.595
Chi phí phải trả khác	59.103.000	78.363.000
	<b>2.909.531.621</b>	<b>3.538.039.576</b>

## 18. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Tài sản thừa chờ giải quyết	54.220.715	-
Kinh phí công đoàn	10.899.527	9.703.595
Phải trả về cổ phần hóa	817.283.299	817.283.299
Các khoản phải trả, phải nộp khác	478.050.287	575.893.359
- Phải trả về cổ tức	68.146.920	-
- Phải trả về phí tiền nước	160.289.120	152.456.848
- Phải trả Công ty Cổ phần Xây dựng Bạch Đằng <sup>(1)</sup>	-	356.442.714
- Phải trả, phải nộp khác	249.614.247	66.993.797
	<b>1.360.453.828</b>	<b>1.402.880.253</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	513.152.274	535.119.905
	<b>513.152.274</b>	<b>535.119.905</b>

<sup>(1)</sup> Đây là số lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được lấy từ số tiền cam kết khắc phục sự cố của Dự án Thoát nước mà Công ty Cổ phần Xây dựng Bạch Đằng chuyển cho Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng. Trong năm, Công ty đã ghi nhận toàn bộ số lãi tiền gửi lũy kế đến thời điểm 31/12/2020 vào doanh thu hoạt động tài chính với số tiền: 508.421.752 VND.

Vấn phòng Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng  
Địa chỉ: Số 50 Hùng Vương - Thành phố Đà Lạt - Tỉnh Lâm ĐồngBáo cáo tài chính  
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

## 19. VAY

	01/01/2020		Trong năm		31/12/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	16.831.678.236	16.831.678.236	16.831.678.226	16.831.678.226	16.831.678.236	16.831.678.236
- Vay WorldBank - Dự án cấp nước Đà Lạt <sup>(1)</sup>	16.831.678.236	16.831.678.236	16.831.678.226	16.831.678.226	16.831.678.236	16.831.678.236
	<b>16.831.678.236</b>	<b>16.831.678.236</b>	<b>16.831.678.226</b>	<b>16.831.678.226</b>	<b>16.831.678.236</b>	<b>16.831.678.236</b>
<b>b) Vay dài hạn</b>						
Vay WorldBank - Dự án cấp nước Đà Lạt <sup>(1)</sup>	236.097.188.386	236.097.188.386	-	16.831.678.225	219.265.510.161	219.265.510.161
	<b>236.097.188.386</b>	<b>236.097.188.386</b>	<b>-</b>	<b>16.831.678.225</b>	<b>219.265.510.161</b>	<b>219.265.510.161</b>
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(16.831.678.236)	(16.831.678.236)	(16.831.678.226)	(16.831.678.226)	(16.831.678.236)	(16.831.678.236)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	219.265.510.150	219.265.510.150	-	-	202.433.831.925	202.433.831.925

## Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

- <sup>(1)</sup> Hiệp định vay phụ giữa Bộ Tài Chính Việt Nam và Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Lâm Đồng (nay là Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng) ngày 28/12/2011 về việc sử dụng một phần khoản tín dụng số 4948-VN của Hiệp hội phát triển quốc tế IDA bao gồm các điều khoản như sau:
- Mục đích tài trợ vốn cho tiểu Dự án cấp nước; Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp và mở rộng hệ thống cấp nước thành phố Đà Lạt thuộc dự án cấp nước và nước thải đô thị;
  - Hạn mức: Bộ Tài chính Việt Nam dành cho Công ty một khoản tín dụng bằng tiền đồng Việt Nam tương đương không vượt quá 13.184.521 USD (tương đương 274.422.627.526 VND tại thời điểm phê duyệt);
  - Thời hạn vay: Khoản vay hoàn trả cho Bộ Tài chính Việt Nam trong thời hạn 20 năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên từ khoản vay lại, trong đó có 5 năm ân hạn, thực hiện theo 30 bán niên bằng nhau vào các ngày 15/05 và 15/11 hàng năm;
  - Lãi suất cho vay áp dụng thống nhất cho thời hạn vay-phe tiền là 6,75%/năm; cộng phí cho vay lại 0,2%/năm cho khoản tiền vay đã giải ngân và số dư nợ vay tùy từng thời điểm. Lãi suất phạt quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay được tính từ ngày đến hạn mà không trả cho đến ngày thực trả;
  - Tổng số dư nợ gốc tại ngày 31/12/2020 là: 219.265.510.161 VND, trong đó vay dài hạn đến hạn trả là 16.831.678.236 VND.

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Nguồn vốn đầu tư XDCB (i)		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>694.963.333.940</b>	<b>28.512.122.705</b>	<b>1.769.214.231</b>	<b>7.017.883.116</b>	<b>11.330.524.372</b>	<b>743.593.078.364</b>						
Lãi trong năm trước	-	-	-	45.472.014.594	-	45.472.014.594						
Trích lập Quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	-	-	(313.500.000)	-	(313.500.000)						
Trả cổ tức bằng tiền mặt	-	-	-	(6.461.600.000)	-	(6.461.600.000)						
Trích lập bổ sung Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2018	-	-	-	(530.121.576)	-	(530.121.576)						
Lỗ của các Chi nhánh chuyển về Văn phòng Công ty trong năm	-	-	-	(10.185.336.340)	-	(10.185.336.340)						
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>694.963.333.940</b>	<b>28.512.122.705</b>	<b>1.769.214.231</b>	<b>34.999.339.794</b>	<b>11.330.524.372</b>	<b>771.574.535.042</b>						
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>694.963.333.940</b>	<b>28.512.122.705</b>	<b>1.769.214.231</b>	<b>34.999.339.794</b>	<b>11.330.524.372</b>	<b>771.574.535.042</b>						
Lãi trong năm nay	-	-	-	48.520.767.212	-	48.520.767.212						
Trả cổ tức bằng tiền mặt	-	-	-	(19.108.339.794)	-	(19.108.339.794)						
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(10.594.000.000)	-	(10.594.000.000)						
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	-	-	5.297.000.000	(5.297.000.000)	-	-						
Lỗ của các Chi nhánh chuyển về Văn phòng Công ty trong năm	-	-	-	(9.870.768.787)	-	(9.870.768.787)						
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>694.963.333.940</b>	<b>28.512.122.705</b>	<b>7.066.214.231</b>	<b>38.649.998.425</b>	<b>11.330.524.372</b>	<b>780.522.193.673</b>						

<sup>(i)</sup> Tổng giá trị nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm nay đang được Công ty dự định sử dụng để thực hiện dự án Thoát nước và xử lý nước thải Đà Lạt.

**Tình hình sử dụng vốn tới thời điểm 31/12/2020:**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 01/2019 ngày 20/06/2019, Đại hội thống nhất sử dụng vốn đã phát hành lần đầu hiện có là 503.767.000.000 VND để đầu tư nhằm tận dụng lãi suất thấp của các khoản vay phục vụ dự án.

Tại thời điểm 31/12/2020, tổng số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phần Công ty chưa sử dụng và đang gửi tiết kiệm có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại (xem chi tiết tại thuyết minh số 4).

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty số 01/2020/NQ-DHDCD ngày 09/06/2020, Công ty thực hiện phối lợi nhuận sau thuế năm 2019 của Công ty như sau:

	Số tiền	
	VND	
Kết quả kinh doanh sau thuế		35.312.839.794
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	15%	5.297.000.000
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	30%	10.594.000.000
Trích quỹ thưởng Ban Điều hành <sup>(i)</sup>	1%	313.500.000
Chi trả cổ tức	54%	19.108.339.794

(trương ứng mỗi cổ phần nhận 243 VND)

<sup>(i)</sup> Công ty đã tạm trích trong năm 2019 Quỹ khen thưởng Ban điều hành với số tiền 313.500.000 VND.

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2020		01/01/2020	
	VND	Tỷ lệ %	VND	Tỷ lệ %
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	315.129.240.000	39,99%	315.129.240.000	39,99%
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Thủy Anh	125.026.010.000	15,87%	125.026.010.000	15,87%
Công ty Cổ phần Golden Stream	90.000.000.000	11,42%	90.000.000.000	11,42%
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Mesa	107.351.820.000	13,62%	107.351.820.000	13,62%
Cổ đông khác	150.492.930.000	19,10%	150.492.930.000	19,10%
<b>Cộng</b>	<b>788.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>788.000.000.000</b>	<b>100%</b>

Tổng vốn góp của chủ sở hữu Công ty là 788.000.000.000 VND. Số vốn này bao gồm vốn góp tại Văn phòng và các đơn vị trực thuộc, chi tiết như sau:

STT	Đơn vị	Vốn góp (VND)
01	Văn phòng công ty	694.963.333.940
02	Nhà máy nước Lâm Hà	24.257.512.642
03	Nhà máy nước Bảo Lâm	17.896.628.100
04	Nhà máy nước Đạ Tẻh	17.959.004.701
05	Nhà máy nước Đơn Dương	17.626.370.932
06	Nhà máy nước Đạ Huoai	12.346.614.897
07	Nhà máy nước Đam Rông	2.980.534.788
<b>Tổng cộng</b>		<b>788.030.000.000</b>

Văn phòng Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng Báo cáo tài chính  
Địa chỉ: Số 50 Hùng Vương - thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	694.963.333.940	694.963.333.940
- Vốn góp đầu năm	694.963.333.940	694.963.333.940
- Vốn góp cuối năm	694.963.333.940	694.963.333.940
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	19.108.339.794	6.461.600.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	19.108.339.794	6.461.600.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(19.040.192.874)	(6.461.600.000)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(19.040.192.874)	(6.461.600.000)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	68.146.920	-

d) Cổ phiếu

	30/06/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	78.800.000	78.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	78.800.000	78.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	78.800.000	78.800.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	78.800.000	78.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	78.800.000	78.800.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phần

e) Các quỹ của công ty

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	7.066.214.231	1.769.214.231
	<b>7.066.214.231</b>	<b>1.769.214.231</b>

21. NGUỒN KINH PHÍ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Nguồn kinh phí còn lại đầu năm	3.283.520	3.283.520
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	<b>3.283.520</b>	<b>3.283.520</b>

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a. Tài sản thuê ngoài

Công ty ký hợp đồng thuê đất số 134/HD-TĐ thửa đất tại 50 Hùng Vương, thành phố Đà Lạt để sử dụng với mục đích làm cơ sở sản xuất kinh doanh từ năm 2014 đến năm 2064. Tổng diện tích khu đất thuê là 21.272,52 m<sup>2</sup>. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2020	01/01/2020
USD	67,15	67,15

c) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2020	01/01/2020
Công nợ tiền nước từ trước năm 1999	23.958.182	23.958.182
Các đối tượng khác	13.578.000	-

23. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu nước sạch	197.604.572.031	199.739.447.362
Doanh thu xây dựng, lắp đặt hệ thống cấp nước	11.556.333.671	11.735.242.551
Doanh thu khác	264.407.829	253.626.482
	<b>209.425.313.531</b>	<b>211.728.316.395</b>

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá vốn nước sạch	147.338.299.516	148.849.145.931
Giá vốn xây dựng, lắp đặt hệ thống cấp nước	10.967.576.520	11.834.933.390
Dự phòng/Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(60.187.600)	1.306.926.790
	<b>158.245.688.436</b>	<b>161.991.006.111</b>

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	43.229.324.146	40.553.669.915
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	499.869.640
	<b>43.229.324.146</b>	<b>41.053.539.555</b>
Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 36)	-	499.869.640

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	16.171.306.181	17.449.810.026
	<b>16.171.306.181</b>	<b>17.449.810.026</b>

## 27. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	4.738.781.830	4.593.979.719
Chi phí dịch vụ mua ngoài	64.745.454	104.289.816
	<b>4.803.527.284</b>	<b>4.698.269.535</b>

## 28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nhân công	3.972.496.481	4.619.598.000
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	1.254.791.289	1.858.994.091
Chi phí khấu hao tài sản cố định	257.150.757	289.218.698
Thuế, phí và lệ phí	15.000.000	85.737.500
Chi phí dự phòng	170.731.275	557.157.512
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.742.114.784	1.481.046.457
Chi phí khác bằng tiền	4.722.981.873	4.850.819.762
	<b>12.135.266.459</b>	<b>13.742.572.020</b>

## 29. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Thu nhập từ phí môi trường và phí nước thải để lại	878.893.157	866.773.088
Thu nhập từ tiền điện các đơn vị khác sử dụng	250.286.947	141.654.015
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	1.460.902.952	162.803.231
Thu từ thanh lý vật tư	61.886.000	132.661.363
Thu từ xử lý kiểm kê	714.727.846	-
Các khoản khác	214.199.163	234.592.333
	<b>3.580.896.065</b>	<b>1.538.484.030</b>

## 30. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí chi trả việc thu hộ phí môi trường và phí nước thải	892.212.731	1.543.094.640
Chi phí tiền điện cho các đơn vị khác sử dụng	140.508.901	109.752.459
Các khoản truy thu, phạt thuế, vi phạm hành chính	135.580.461	62.500.901
Chi phí Ban Quản lý dự án không thu hồi <sup>(9)</sup>	3.688.211.187	-
Xử lý kiểm kê	455.791.558	-
Các khoản khác	153.825.272	149.290.394
	<b>5.466.130.110</b>	<b>1.864.638.394</b>

<sup>(9)</sup> Trong năm, Trong năm, theo Nghị quyết số 05/2020/NQ-HĐQT ngày 08/09/2020 của Hội đồng quản trị, Công ty đã xử lý khoản chi phí của Ban quản lý dự án thuộc Tiểu dự án Thoát nước và xử lý nước thải không thu hồi được vào Chi phí khác với số tiền 3.688.211.187 VND (Xem thuyết minh số 7).

## 31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	59.413.615.272	54.574.043.894
Hoàn nhập quỹ phát triển khoa học công nghệ trích năm 2015 chưa chi hết	-	129.821.280
Các khoản điều chỉnh tăng	4.921.393.814	1.478.505.174
- Xử lý thuế TNCN không thu hồi được	-	57.380.424
- Các khoản chi phí không được trừ	231.822.823	62.500.901
- Chi phí Ban Quản lý dự án không thu hồi được	3.688.211.187	-
- Thù lao Hội đồng quản trị không trực tiếp điều hành	-	360.000.000
- Chi phí khấu hao tài sản dùng sản xuất không được trừ	1.001.359.804	998.623.849
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(499.869.640)
- Thu nhập từ chia cổ tức được miễn thuế TNDN	-	(499.869.640)
Lỗ của đơn vị phụ thuộc	(9.870.768.787)	(10.185.336.340)
Thu nhập chịu thuế TNDN	54.464.240.299	45.367.343.088
Thuế suất thuế TNDN cho thu nhập chịu thuế năm nay	20%	20%
Thuế suất thuế TNDN cho khoản hoàn nhập quỹ phát triển khoa học công nghệ trích năm 2015	22%	22%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>10.892.848.060</b>	<b>9.102.029.300</b>
Các khoản điều chỉnh thuế TNDN của các năm trước vào thuế TNDN phải nộp năm nay	134.301.101	206.368.184
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	942.397.484	2.247.873.850
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(9.088.841.101)	(10.613.873.850)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>2.880.705.544</b>	<b>942.397.484</b>

## 32. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	76.137.880.028	78.129.435.187
Chi phí nhân công	34.082.471.472	34.892.107.858
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	5.993.573.119	6.460.485.547
Chi phí khấu hao tài sản cố định	31.039.141.907	30.056.985.500
Thuế, phí và lệ phí	1.562.656.947	1.134.221.428
Chi phí dự phòng	170.731.275	557.157.512
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.221.848.740	1.585.336.273
Chi phí khác bằng tiền	14.036.366.291	26.309.191.571
	<b>175.244.669.779</b>	<b>179.124.920.876</b>

**33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.757.131.627	-	16.107.633.801	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	29.938.206.417	(1.058.084.948)	42.711.171.053	(1.067.931.673)
Các khoản cho vay	565.167.893.764	-	537.708.346.943	-
	<u>610.863.231.808</u>	<u>(1.058.084.948)</u>	<u>596.527.151.797</u>	<u>(1.067.931.673)</u>
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ			219.265.510.161	236.097.188.386
Phải trả người bán, phải trả khác			16.224.462.527	25.163.921.913
Chi phí phải trả			2.909.531.621	3.538.039.576
			<u>238.399.504.309</u>	<u>264.799.149.875</u>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi không có kỳ hạn, các

khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.757.131.627	-	-	15.757.131.627
Phải thu khách hàng, phải thu khác	28.152.084.889	728.036.580	-	28.880.121.469
Các khoản cho vay	561.667.893.764	3.500.000.000	-	565.167.893.764
<b>Cộng</b>	<u>605.577.110.280</u>	<u>4.228.036.580</u>	<u>-</u>	<u>609.805.146.860</u>
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.107.633.801	-	-	16.107.633.801
Phải thu khách hàng, phải thu khác	41.643.239.380	-	-	41.643.239.380
Các khoản cho vay	537.708.346.943	-	-	537.708.346.943
<b>Cộng</b>	<u>595.459.220.124</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>595.459.220.124</u>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở đồng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>				
Vay và nợ	16.831.678.236	67.326.712.944	135.107.118.981	219.265.510.161
Phải trả người bán, phải trả khác	15.711.310.253	513.152.274	-	16.224.462.527
Chi phí phải trả	2.909.531.621	-	-	2.909.531.621
	<u>35.452.520.110</u>	<u>67.839.865.218</u>	<u>135.107.118.981</u>	<u>238.399.504.309</u>

Tại ngày 01/01/2020

Vay và nợ	16.831.678.236	67.326.712.944	151.938.797.206	236.097.188.386
Phải trả người bán, phải trả khác	24.628.802.008	535.119.905	-	25.163.921.913
Chi phí phải trả	3.538.039.576	-	-	3.538.039.576
	<u>44.998.519.820</u>	<u>67.861.832.849</u>	<u>151.938.797.206</u>	<u>264.799.149.875</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

#### 34. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

##### Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

Toàn bộ số tiền vay đã trả trong năm phản ánh trên Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ là tiền trả các khoản vay theo kế ước thông thường.

#### 35. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

#### 36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

Mối quan hệ	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Cổ tức được chia	-	499.869.640
Công ty Cổ phần Cấp nước và Xây dựng Di Linh	-	209.886.265
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Đức Trọng	-	289.983.375

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thu nhập của Tổng giám đốc	632.122.560	507.088.500
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và người quản lý khác	1.771.777.045	1.295.949.000

#### 37. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Người lập biểu



Trần Thị Tuyết Ngọc

Kế toán trưởng



Bùi Hoàng Trường Vũ

Lâm Đồng, ngày 08 tháng 03 năm 2021

Tổng Giám đốc




Nguyễn Hùng Cường



# BÁO CÁO 2020 THƯỜNG NIÊN



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG**  
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT**

TỔNG GIÁM ĐỐC



*Nguyễn Hùng Cường*